

QUYẾT ĐỊNH

Công bố điều chỉnh, bổ sung Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật giao thông đường bộ năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch (Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội);

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải (Bộ GTVT);

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động kinh doanh vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Quyết định số 927/QĐ-BGTVT ngày 15/07/2022 của Bộ trưởng Bộ GTVT công bố Danh mục chi tiết mạng lưới tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây viết tắt là Quyết định số 927/QĐ-BGTVT);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Vận tải và Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố điều chỉnh, bổ sung và loại bỏ một số tuyến tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 927/QĐ-BGTVT với các nội dung chủ yếu sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tổng số 520 tuyến tại Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này. Trong đó:

a) Sửa đổi 135 tuyến đang khai thác tại Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này;

b) Bổ sung 43 tuyến đang khai thác vào Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này;

c) Sửa đổi 202 tuyến mới tại Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này;

d) Bổ sung 140 tuyến mới vào Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục I ban hành kèm Quyết định này.

2. Loại bỏ 25 tuyến ra khỏi Phụ lục I của Quyết định số 927/QĐ-BGTVT theo Phụ lục II ban hành kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng các Cục, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giao thông vận tải - Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng;
- Sở GTVT, GTVT-XD các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công TTĐT Bộ GTVT;
- Lưu VT, V.Tài.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Đình Thọ

Phụ lục I
DANH MỤC CHI TIẾT TUYỂN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN TỈNH ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC ĐẾN NĂM 2025,
ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
8	1114.1814.B	Cao Bằng	Quảng Ninh	Liên tỉnh TP Cao Bằng	Trung tâm Cẩm Phả	BX Liên tỉnh TP Cao Bằng - QL3 - Ngã tư Ngọc Xuân - đường Pác Bó - ngã tư Sông Bằng - Đường 3.10 - QL4A - QL1 - QL4B - Ngã ba Yên Than - QL18 - BX Trung tâm Cẩm Phả	269	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
12	1116.1617.A	Cao Bằng	Hải Phòng	Trùng Khánh	Đồ Sơn	BX Đồ Sơn - Cầu Rào 2 - đường Võ Nguyên Giáp - Đường Bùi Viện - đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quý Cao - Ninh Giang - QL37 - TP Hải Dương - QL5 (Quán Gôi) - QL38 - QL1 - Cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn - QL21 - QL4A - QL34B - Đường 3.10 (QL34B) - Ngã tư Sông Bằng - Rẽ đi đường Pác Bó - Ngã tư Ngọc Xuân - QL3 (hướng đi huyện Quảng Hòa) - Thị trấn Quảng Uyên - TL206 - BX Trùng Khánh	380	60	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe
50	1129.1612.A	Cao Bằng	Hà Nội	Trùng Khánh	Gia Lâm	BX Trùng Khánh - TL206 - Thị trấn Quảng Uyên - QL3 - QL3 mới - Cao tốc Hà Nội, Thái Nguyên - Ngã 3 viện Lao - QL3 - thị xã Sông Công - Thị trấn Sóc Sơn - QL3 - Nút giao Xuân Canh, Đông Anh - QL5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - đường Lý Sơn - nút giao Long Biên - đường Nguyễn Văn Cừ - Ngọc Lâm - BX Gia Lâm	340	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Tuyến mới chuyển sang đang khai thác
55	1129.2113.A	Cao Bằng	Hà Nội	Bảo Lâm	Mỹ Đình	BX Bảo Lâm - QL34B - ĐT212 - ĐT528 - QL3 - Cao tốc (Thái Nguyên - Hà Nội) - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	456	0	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	
	1129.2113.B	Cao Bằng	Hà Nội	Bảo Lâm	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL18 - QL1A - QL4A - QL3 - QL34 - BX Bảo Lâm	449	30	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
	1129.2113.C	Cao Bằng	Hà Nội	Bảo Lâm	Mỹ Đình	BX Bảo Lâm - QL34 - huyện Bắc Mê - Đường ven thành phố Hà Giang - QL2 - thị xã Phú Thọ - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Kim Anh - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thăng Long - Cầu Vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	446	60	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C và điều chỉnh tăng 60 chuyến/tháng (chuyển từ BX Vĩnh Tường sang và tổng số chuyến tại đầu BX Mỹ Đình không thay đổi)
142	1216.1625.A	Lạng Sơn	Hải Phòng	Phía Bắc Lạng Sơn	Vĩnh Niệm	BX Vĩnh Niệm - QL5 - QL37 - QL18 - QL1A - BX Phía Bắc Lạng Sơn	250	240	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung lưu lượng từ 210 lên 240 chuyến/tháng
282	1229.1413.A	Lạng Sơn	Hà Nội	Tân Thanh	Mỹ Đình	BX Tân Thanh - QL4A - QL1A - QL18 - Đường Bắc Thăng Long Nội Bài - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	178	240	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng từ BX Phía Bắc Lạng Sơn (từ 210 lên 240), không làm thay đổi lưu lượng đầu bến xe Mỹ Đình
294	1229.1613.A	Lạng Sơn	Hà Nội	Phía Bắc Lạng Sơn	Mỹ Đình	BX Phía Bắc Lạng Sơn - QL1A - QL18 - Đường Bắc Thăng Long Nội Bài - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	173	1110	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh giảm 30 chuyến/tháng (từ 1380 xuống 1350) theo Vb số 8510 của Bộ GTVT, giảm tiếp lưu lượng 240 chuyến từ 1350 chuyến/tháng xuống 1110 chuyến/tháng
403	1243.1611.B	Lạng Sơn	Đà Nẵng	Phía Bắc Lạng Sơn	Trung tâm Đà Nẵng	BX Phía Bắc Lạng Sơn - QL1A - QL5 - QL39 - ĐT200 - ĐT199 - QL39 - QL38 - Nút giao Vực Vòng - QL1A - BX Trung tâm Đà Nẵng	920	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
419	1248.1614.A	Lạng Sơn	Đắk Nông	Phía Bắc Lạng Sơn	Huyện Krông Nô	BX Krông Nô - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng - QL1A - TP Vinh - QL48 - Yên Lý - Thịnh Mỹ - Đường Hồ Chí Minh - Thái Hòa - Xuân Mai - Hòa Lạc - Đại Lộ Thăng Long - Nguyễn Xiển - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Cầu Phù Đổng - QL1A - BX Phía Bắc Lạng Sơn	1507	12	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28; Điều chỉnh cự ly tuyến
494	1297.1611.B	Lạng Sơn	Bắc Kạn	Phía Bắc Lạng Sơn	Bắc Kạn	BX Bắc Kạn - QL3 - Thác Giềng - QL3B - TT. Yên Lạc (huyện Na Rì) - QL3B - TT. Thất Khê - QL4A - TT. Đồng Đăng - QL1A - BX Phía Bắc Lạng Sơn	200	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
603	1418.1213.B	Quảng Ninh	Nam Định	Móng Cái	Hải Hậu	BX Hải Hậu - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Cao tốc Hà Nội Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hạ Long - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Vân Đồn Móng Cái - BX Móng Cái	293	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
665	1419.1311.B	Quảng Ninh	Phú Thọ	Cái Rồng	Việt Trì	BX Việt Trì - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - QL5 - Cầu vượt Thanh trì - Đường vành đai 3 trên cao - Cao tốc Hà Nội Hải Phòng - Cầu Bạch Đằng - Cao tốc Hải Phòng Quảng Ninh - QL18 - BX Cái Rồng	270	180	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
705	1420.2712.B	Quảng Ninh	Thái Nguyên	Cầm Hải	Đại Từ	BX Cầm Hải - QL18 - Bắc Ninh - QL37 - Đình Trám - Hiệp Hòa - Phú Bình - Đường Ba Tháng Hai - QL3 tuyến tránh TP Thái Nguyên - QL3 - QL37 - BX Đại Từ	285	150	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
708	1420.2716.A	Quảng Ninh	Thái Nguyên	Cầm Hải	Trung tâm TP Thái Nguyên	BX Cầm Hải - QL18 - Bắc Ninh - QL37 - Đình Trám - Hiệp Hòa - Phú Bình - Đường Ba Tháng Hai - Đường Thống Nhất - BX Trung tâm TP Thái Nguyên	260	150	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung tuyến mới
	1420.2716.B	Quảng Ninh	Thái Nguyên	Cầm Hải	Trung tâm TP Thái Nguyên	BX Cầm Hải - QL18 - QL10 - Cao tốc (Hà Nội - Hải Phòng) - QL1A - Cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - Nút giao Yên Bình - QL3 - Đường Ba Tháng Hai - Đường Thống Nhất - BX Trung tâm TP Thái Nguyên	210	150	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung tuyến mới
774	1426.1255.A	Quảng Ninh	Sơn La	Móng Cái	Sốp Cộp	BX Sốp Cộp - QL4G - Nà Ốt - QL37 kéo dài - Cò Nòi - QL6 - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - QL1 - QL5 - Quán Toan - QL10 - Uông Bí - QL18 - BX Móng Cái	460	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và bổ sung lưu lượng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
785	1427.1117.B	Quảng Ninh	Điện Biên	Bãi Cháy	Tùa Chùa	BX Tùa Chùa - ĐT140 - Huồi Lóng - QL6 - Tuần Giáo - QL6 - Cao tốc Hòa Lạc, Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (đoạn nút giao BigC - cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL5 - Quán Toan - QL10 - Uông Bí - QL18 - BX Bãi Cháy	575	90	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
786	1427.1211.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Móng Cái	TP Điện Biên Phủ	BX Móng Cái - QL18 - QL10 - Ngã 3 Quán Toan - QL5 - Cầu Thanh Trì - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - BX Điện Biên Phủ	825	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng từ 60 lên 180 chuyến/tháng
	1427.1211.B	Quảng Ninh	Điện Biên	Móng Cái	TP Điện Biên Phủ	BX Móng Cái - Cao tốc Vân Đồn Móng Cái - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - QL1 - Cầu Thanh trì - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - BX Điện Biên Phủ	860	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
790	1427.1330.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Cái Rồng	Mường Luân	BX Mường Luân - QL12 - TT Sông Mã - QL4G - QL6 - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Big C - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL5 - Quán Toan - QL10 - Uông Bí - QL18 - BX Cái Rồng	630	90	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe và lưu lượng
809	1429.1213.A	Quảng Ninh	Hà Nội	Móng Cái	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL18 - BX Móng Cái	340	600	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Giảm 150 chuyến/tháng để chuyển sang hành trình B
	1429.1213.B	Quảng Ninh	Hà Nội	Móng Cái	Mỹ Đình	BX Móng Cái - Cao tốc Vân Đồn Móng Cái - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	320	150	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng từ hành trình A, không làm thay đổi lưu lượng đầu Mỹ Đình
901	1435.1417.B	Quảng Ninh	Ninh Bình	Trung tâm Cầm Phá	Thị trấn Bình Minh	BX Thị trấn Bình Minh - QL12B kéo dài - QL10 - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Nút giao Minh Khai - QL18 - BX Trung tâm Cầm Phá	230	90	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
1031	1437.2819.A	Quảng Ninh	Nghệ An	Đông Triều	Con Cuông	BX Đông Triều - QL18 - QL1A - QL7A - BX Con Cuông	430	120	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh mã số tuyến Nguồn tuyến: Quyết định số 542/QĐ- BGTVT.

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
1102	1477.1111.B	Quảng Ninh	Bình Định	Bãi Cháy	Quy Nhơn	BX Bãi Cháy - Cao tốc (Hạ Long, Hải Phòng) - Cao tốc (Hải Phòng, Hà Nội) - QL1 - Cầu Thanh Trì - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1 - BX Quy Nhơn	1200	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B (Đã rà soát bị trùng tuyến đã có nên điều chỉnh lại mã số tuyến và số thứ tự toàn quốc
1140	1490.2711.B	Quảng Ninh	Hà Nam	Cầm Hải	Trung tâm Hà Nam	BX Cầm Hải - QL18 - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - Nút giao Hưng Yên - QL39A - Hưng Yên - cầu Yên Lệnh - Hòa Mạc - QL38 - Đông Văn - QL1 - BX Trung tâm Hà Nam	240	150	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
1231	1618.2524.A	Hải Phòng	Nam Định	Vĩnh Niệm	Ý Yên	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu An Đông - QL5 - Quán Toan - QL10 - QL38B - Thị trấn Lâm - BX Ý Yên	130	60	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình A và bổ sung lưu lượng hành trình A
1293	1623.2511.A	Hải Phòng	Hà Giang	Vĩnh Niệm	Phía Nam Hà Giang	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường Lý Sơn - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Việt Trì - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang	415	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng
	1623.2511.B	Hải Phòng	Hà Giang	Vĩnh Niệm	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - QL2 - Cầu Đuống - Đường QL5 cũ - Hải Dương - QL37 - QL38 - QL391 - QL10 - BX Vĩnh Niệm	415	0	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	1623.2511.C	Hải Phòng	Hà Giang	Vĩnh Niệm	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang -Tuyên Quang - QL2 - Sơn Dương (QL37) - Thái Nguyên (QL3 mới) - Phù Yên (QL3 mới) - Yên Phong (QL18) - Quế Vô (QL18) - Mạo Khê - Kinh Môn - Phú Thái - Nguyễn Văn Linh - BX Vĩnh Niệm	415	0	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	1623.2511.D	Hải Phòng	Hà Giang	Vĩnh Niệm	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Tuyên Quang - Đoan Hùng - Phù Ninh - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL18 - Quế Võ - Sao Đỏ - QL17 - Nam Sách - Tiền Trung - QL5 - BX Vĩnh Niệm	415	0	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
1299	1624.1613.A	Hải Phòng	Lào Cai	Phía Bắc Hải Phòng	BX khách kết hợp bãi	BX Phía Bắc Hải Phòng - QL5 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	350	180	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
					đỗ xe thị xã Sa Pa						
1304	1624.2513.A	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Vĩnh Niệm - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	450	150	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết, bổ sung lưu lượng từ 120 lên 150
	1624.2513.B	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	450	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng và điều chỉnh hành trình chi tiết
1305	1624.2514.F	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	395	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình F
	1624.2514.E	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt (Bắc Thăng Long, Nội Bài) - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	400	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT 1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVT XD Lào Cai	Bổ sung hành trình mới, điều chỉnh hành trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1308	1625.1712.B	Hải Phòng	Lai Châu	Đồ Sơn	Than Uyên	BX Than Uyên - QL32 - QL279 - IC16, Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Linh - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - ĐT351 - Cầu Kiến An - Đường Phan Đăng Lưu - Ngã 5 Kiến An - ĐT355 - ĐT353 - Đường Lý Thánh Tông - BX Đồ Sơn	420	60	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
1310	1625.2312.C	Hải Phòng	Lai Châu	Thượng Lý	Than Uyên	BX Than Uyên - QL32 - QL4D - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đại lộ Thăng Long - QL18 - Nút giao cầu vượt Khá Lễ - QL1 - Cao tốc Hà	500	30	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Nội Bắc Giang - Đường dẫn cầu Thanh Trì - QL5 - Đường Hùng Vương - BX Thượng Lý					
1312	1625.2512.D	Hải Phòng	Lai Châu	Vĩnh Niệm	Than Uyên	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - ĐT390D - QL37 - QL18 - QL1A - QL18 - Cao tốc Bắc Ninh Nội Bài - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL4D - QL32 - BX Than Uyên	436	30	Tuyển đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình D
1319	1626.2511.A	Hải Phòng	Son La	Vĩnh Niệm	TP Sơn La	BX Sơn La - QL6 - Mộc Châu - Hòa Bình - Ba La - QL21B - Cầu Yên Lệnh - QL39B - QL5 - Cầu An Đông - đường Nguyễn Văn Linh - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	390	75	Tuyển đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Giảm 45 chuyến/tháng ở hành trình A để chuyển sang hành trình C
	1626.2511.B	Hải Phòng	Son La	Vĩnh Niệm	TP Sơn La	BX Sơn La - QL6 - Mộc Châu - Hòa Bình - Ba La - QL21B - Cầu Yên Lệnh - QL39 - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	390		Tuyển đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1626.2511.C	Hải Phòng	Son La	Vĩnh Niệm	TP Sơn La	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu An Đông - QL5 - Cầu Thanh trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu - QL6 - BX Sơn La	390	60	Tuyển đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	
1325	1627.1715.A	Hải Phòng	Điện Biên	Đồ Sơn	Mường Chà	BX Đồ Sơn - ĐT353 - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Nguyễn Văn Linh - QL5 - Quán Gỏi - QL38 - QL17 - Phú Thị - QL1A - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Nút giao BigC - cầu Thanh Trì) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình - QL6 - Tuân Giáo - QL279 - QL12 - BX Mường Chà	670	30	Tuyển đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình, cự ly tuyến (đầu Hải Phòng) theo Quyết định số 1215/QĐ- BGTVT
1331	1627.2517.A	Hải Phòng	Điện Biên	Vĩnh Niệm	Tùa Chùa	BX Tùa Chùa - ĐT140 - Huổi Lóng - Minh Thắng - QL279 - Thị trấn Quỳnh Nhai - QL6B - Chiềng Pắc - QL6 - TP. Sơn La - TP. Hòa Bình - Cao tốc (Hòa Lạc - Hòa Bình) - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	540	30	Tuyển đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe và cự ly tuyến
1347	1628.2505.B	Hải Phòng	Hòa Bình	Vĩnh Niệm	Tân Lạc	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Đường bao đê	200	30	Tuyển mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						sông Đáy (Ninh Bình) - Cầu Gián Khẩu - ĐT477 - QL12B - BX Tân Lạc					
1350	1628.2557.C	Hải Phòng	Hòa Bình	Vĩnh Niệm	Yên Thủy	BX Yên Thủy - QL12B - ĐT477 - QL1 - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	165	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
1358	1629.1916.D	Hải Phòng	Hà Nội	Tiên Lãng	Yên Nghĩa	BX Tiên Lãng - TL354 - TL360 - QL10 - Cao tốc (Hà Nội - Hải Phòng) - BX Yên Nghĩa	145	600	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 2548/QĐ- BGTVT	Bổ sung hành trình D theo Quyết định số 2548/QĐ- BGTVT (PL4)
1450	1636.2322.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Thượng Lý	Thị trấn Lạng Chánh	BX Thượng Lý - QL10 - QL1 - Cầu Nguyệt Viên - Theo phân luồng tránh TP Thanh Hoá - QL47 - Đường Hồ Chí Minh - QL15 - BX Thị trấn Lạng Chánh	270	120	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
1462	1636.2514.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Vĩnh Niệm	Thị trấn Ngọc Lặc	BX Ngọc Lặc - Đường Hồ Chí Minh - QL217 - QL45 - Trần Phú - Đại Lộ Lê Lợi - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - QL10 - QL18 - BX Vĩnh Niệm	260	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lại hành trình cho phù hợp với phân luồng giao thông tránh TP Thanh Hoá
	1636.2514.B	Hải Phòng	Thanh Hóa	Vĩnh Niệm	Thị trấn Ngọc Lặc	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1 - cầu Nguyệt Viên - Đại lộ Lê Lợi - Trần Phú - QL45 - QL217 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Lặc	260	0	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
1469	1636.2525.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Vĩnh Niệm	Thường Xuân	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1 - TP Thanh Hóa (theo phân luồng của TP) - QL47 - BX Thường Xuân	220	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung lưu lượng, điều chỉnh mã số tuyến theo VB số 13270/BGTVT Tiếp tục Bổ sung lưu lượng từ 60 lên 90 c/tháng
	1636.2525.B	Hải Phòng	Thanh Hóa	Vĩnh Niệm	Thường Xuân	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1 - TP Thanh Hóa (theo phân luồng của TP) - QL47 - BX Thường Xuân	220	30	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh mã số tuyến (A thành B)
	1636.2525.C	Hải Phòng	Thanh Hóa	Vĩnh Niệm	Thường Xuân	BX Thường Xuân - QL47 - ĐT514 - Thị trấn Triệu Sơn - QL47 - Thành phố Thanh Hoá (theo phân luồng của TP Thanh Hoá) - QL1A - QL10	220	28	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày	Điều chỉnh mã số tuyến (B thành C)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						- Đường Hoàng Quốc Việt - Đường Phan Đăng Lưu - Ngã 5 Kiển An - Đường Trần Nhân Tông - Đường Trường Chinh - Cầu Niệm - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm				12/12/2022 của Bộ GTVT	
1475	1637.1519.A	Hải Phòng	Nghệ An	Vĩnh Bảo	Con Cuông	BX Vĩnh Bảo - QL10 - QL1A - BX Con Cuông	350	60	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh mã số tuyến. Nguồn tuyến: Quyết định số 542/QĐ-BGTVT
1524	1638.2311.A	Hải Phòng	Hà Tĩnh	Thượng Lý	Hà Tĩnh	BX Thượng Lý - QL10 - QL1 - BX Hà Tĩnh	400	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lưu lượng và cự ly tuyến theo Quyết định số 317/QĐ-BGTVT
1604	1689.2311.A	Hải Phòng	Hưng Yên	Thượng Lý	TP Hưng Yên	BX Hưng Yên - QL39 - Ngã tư Chợ Gạo - QL38B - Hải Dương - QL5 - BX Thượng Lý	115	150	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lưu lượng theo Quyết định số 317/QĐ-BGTVT
1725	1724.1513.B	Thái Bình	Lào Cai	Huyện Thái Thụy	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Thái Thụy - QL39 - QL10 - QL21 - QL1 - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	450	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
1761	1726.1782.D	Thái Bình	Sơn La	Quỳnh Côi	Mộc Châu	BX Quỳnh Côi - ĐT217 - QL10 - QL39 - QL5 - Cầu Thanh Trì - QL1A - ĐT70 - QL6 - BX Mộc Châu	310	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình D
1771	1727.1513.A	Thái Bình	Điện Biên	Huyện Thái Thụy	Tuần Giáo	BX Huyện Thái Thụy - QL39 - TP Thái Bình - QL10 - Nho Quan - QL12B - Mãn Đức - Sơn La - QL6 - BX Tuần Giáo	470	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
1803	1729.1517.A	Thái Bình	Hà Nội	Huyện Thái Thụy	Sơn Tây	BX Huyện Thái Thụy - QL39 - QL10 - QL21 - Phú Lý - QL21 - Đường Hồ Chí Minh - Ngã ba Xuân Mai - QL21 - BX Sơn Tây	157	210	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm 60 chuyến/tháng để chuyển sang hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
1808	1729.1617.B	Thái Bình	Hà Nội	Huyện Đông Hưng	Sơn Tây	BX Đông Hưng - QL10 - QL39 - Cầu Yên Lệnh - QL38 - QL21B - ĐT76 - Đường Hồ Chí Minh - QL21 - BX Sơn Tây	145	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B và lưu lượng từ tuyến 1729.1517.A
2049	1824.1314.A	Nam Định	Lào Cai	Hải Hậu	Bắc Hà	BX Hải Hậu - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường - Cao tốc (Pháp Vân - Cầu Giẽ - Ninh Bình) - Đường vành đai 3 trên cao - cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	295	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến, bổ sung lưu lượng
2055	1824.1612.B	Nam Định	Lào Cai	Quất Lâm	Trung tâm Lào Cai	BX Quất Lâm - TL489B - QL37B - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - Đại lộ Thiên Trường - Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Đường vành đai 3 trên cao - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC18 - Đường Bình Minh - BX Trung tâm Lào Cai	400	75	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly
2065	1824.2613.A	Nam Định	Lào Cai	Phía Nam TP Nam Định	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Phía Nam TP Nam Định - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL21B - Cầu Giẽ Ninh Bình - Cao tốc Pháp Vân - Đường Vành đai 3 - cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Đông Trù - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	420	45	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
2129	1829.1111.A	Nam Định	Hà Nội	Nam Định	Giáp Bát	BX Nam Định - Đ BOT - QL21 - Cao tốc Cầu Giẽ Ninh Bình - Pháp Vân - Đ Giải Phóng - BX Giáp Bát	87	1740	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Chuyển 60 chuyến/tháng sang BX Quỹ Nhất, không làm thay đổi lưu lượng đầu Giáp Bát
2142	1829.1512.A	Nam Định	Hà Nội	Thịnh Long	Gia Lâm	BX Thịnh Long - QL21 - đường Lê Đức Thọ - QL10 - đại lộ Thiên Trường - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Yên Sở - Cầu	170	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày	Điều chỉnh tăng 30 chuyến/tháng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Thanh Trì - QL5 - đường Nguyễn Văn Cừ - đường Ngô Gia Khâm - BX Gia Lâm				12/12/2022 của Bộ GTVT	(từ 60 lên 90 chuyến/tháng)
2147	1829.1711.A	Nam Định	Hà Nội	Quỹ Nhất	Giáp Bát	BX Quỹ Nhất - Đ Chợ Gạo - TL490C - Đ Lê Đức Thọ - QL10 - QL21 - QL1A - Pháp Vân - Cầu Giẽ - Đường Giải Phóng - BX Giáp Bát	135	360	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung 60 chuyến/tháng từ BX Nam Định, không làm thay đổi tổng lưu lượng đầu Giáp Bát
2161	1829.2312.A	Nam Định	Hà Nội	Xuân Trường	Gia Lâm	BXK Xuân Trường - TL489 - QL21 - đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL21 - QL1A - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - Yên Sở - Cầu Thanh Trì - QL5 - đường Nguyễn Văn Cừ - đường Ngô Gia Khâm - BX Gia Lâm	130	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh giảm 30 chuyến/tháng (từ 120 xuống 90 chuyến/tháng)
2281	1848.1316.B	Nam Định	Đắk Nông	Hải Hậu	Quảng Khê	BX Quảng Khê - QL28 - Đường HCM - QL26 - QL29 - QL1 - QL10 - Đường Lê Đức Thọ - QL21 - BX Hải Hậu	1360	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
2284	1848.1414.A	Nam Định	Đắk Nông	Giao Thủy	Huyện Krông Nô	BX Giao Thủy - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - Đà Nẵng - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Krông Nô	1302	53	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28; Điều chỉnh cự ly tuyến
2287	1848.1614.A	Nam Định	Đắk Nông	Quất Lâm	Huyện Krông Nô	BX Quất Lâm - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - Đà Nẵng - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Krông Nô	1305	7	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28; Điều chỉnh cự ly tuyến
2288	1848.1617.A	Nam Định	Đắk Nông	Quất Lâm	Quảng Sơn	BX Quất Lâm - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - Đà Nẵng - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Quảng Sơn	1300	15	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
2293	1848.2614.A	Nam Định	Đắk Nông	Phía Nam TP Nam Định	Huyện Krông Nô	BX Phía Nam TP Nam Định - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - QL28 - BX Krông Nô	1290	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
2295	1848.2617.A	Nam Định	Đắk Nông	Phía Nam TP Nam Định	Quảng Sơn	BX Phía Nam TP Nam Định - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Quảng Sơn	1340	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
2558	1929.1213.E	Phú Thọ	Hà Nội	Phú Thọ	Mỹ Đình	BX Phú Thọ - QL2D - Đường Hùng Vương - Nút IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	121		Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình đoạn tuyến trên địa bàn tỉnh Phú Thọ (đầu Hà Nội giữ nguyên như QĐ 927)
2560	1929.1313.A	Phú Thọ	Hà Nội	Thanh Sơn	Mỹ Đình	BX Thanh Sơn - ĐT316 - QL32 - Đường Hồ Tùng Mậu - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	100	570	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh giảm 30 chuyến/tháng (từ 600 xuống 570) để chuyển sang BX Tân Sơn, không làm thay đổi lưu lượng đầu bến xe Mỹ Đình
	1929.1313.B	Phú Thọ	Hà Nội	Thanh Sơn	Mỹ Đình	BX Thanh Sơn - ĐT316 - ĐT317 - Cầu Đồng Quang - ĐT414 (Hà Nội) - ĐT87A (Đường Yên Bãi) - Đại lộ Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	92	0	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1313.C	Phú Thọ	Hà Nội	Thanh Sơn	Mỹ Đình	BX Thanh Sơn - QL32A - Tề Lễ - ĐT315 - Quang Húc - Phương Thịnh - Tứ Mỹ - QL32C - QL32A - BX Mỹ Đình	100	0	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1313.D	Phú Thọ	Hà Nội	Thanh Sơn	Mỹ Đình	BX Thanh Sơn - QL32A - Đường Hồ Tùng Mậu - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	100	0	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
2563	1929.1512.A	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Gia Lâm	BX Ấm Thượng - ĐT320 - ĐT314C - ĐT314 - ĐT315B - QL2 - QL3 - Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	153	105	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Lưu lượng tăng từ 90 lên 135 chuyến/tháng theo VB số 11445/BGTVT- VT đã đồng ý, sau đó đề xuất giảm 30 chuyến/tháng để chuyển sang hành trình D (tuyến mới)
	1929.1512.B	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Gia Lâm	BX Ấm Thượng - Cầu Hạ Hòa - QL32C - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - QL3 - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	135		Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1512.C	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Gia Lâm	BX Ấm Thượng - Cầu Hạ Hòa - QL32C - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - QL5 kéo dài - QL3 - Ngô Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	145		Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1512.D	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Gia Lâm	BX Ấm Thượng - QL2D - Đường Hùng Vương - IC09 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - QL3 - Cầu Đuống - Đường Ngô Gia Tự - Đường Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	145	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình D và bổ sung 30 chuyến/tháng từ hành trình (A, B, C), không làm thay đổi lưu lượng đầu Mỹ Đình
2564	1929.1513.A	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - QL2 - BX Ấm Thượng	145	900	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Lưu lượng tăng từ 780 lên 900 chuyến/tháng (do nhận 120 chuyến/tháng từ BX Hiền Lương về BX Ấm Thượng); đồng thời bổ sung hành trình D, E, F và làm rõ đoạn hành trình trên địa

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											bàn thành phố Hà Nội. Tổng lưu lượng tại BX Mỹ Đình giữ nguyên (không thay đổi)
	1929.1513.B	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Ấm Thượng - QL2D - QL70B - ĐT314 - ĐT315B - QL2 - IC8 - Cao tốc NBLC - (Hà Nội) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	150		Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1513.C	Phú Thọ	Hà Nội	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Ấm Thượng - QL2D - QL70B - ĐT314 - ĐT315B - QL2 - IC9 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	145		Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1513.D	Phú Thọ	Phú Thọ	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Ấm Thượng - Cầu Hạ Hòa - QL32C - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	135		Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1513.E	Phú Thọ	Phú Thọ	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Ấm Thượng - Cầu Hạ Hòa - QL32C - Nút giao IC10 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC8 - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	130		Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
	1929.1513.F	Phú Thọ	Phú Thọ	Ấm Thượng	Mỹ Đình	BX Ấm Thượng - Cầu Hạ Hòa - QL32C - nút giao IC 10 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - (Hà Nội) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	130		Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
2573	1929.2113.A	Phú Thọ	Hà Nội	Tân Sơn	Mỹ Đình	BX Tân Sơn - QL32 - Đường Hồ Tùng Mậu - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	130	780	Tuyến đang khai thác	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng từ BX Thanh Sơn (từ 750 lên 780), không

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											làm thay đổi lưu lượng đầu bến xe Mỹ Đình
	1929.2113.B	Phú Thọ	Hà Nội	Tân Sơn	Mỹ Đình	BX Tân Sơn - Đường huyện (đi qua Xóm Mỹ Thuận - Cầu Xóm Mới (Xã Mỹ Thuận) - ĐT316E - ĐT316C - QL32 - Đường Hồ Tùng Mậu - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	134	0	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Chia sẻ lưu lượng với hành trình A
2666	1948.1717.A	Phú Thọ	Đắk Nông	Cầm Khê	Quảng Sơn	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng - QL1A - QL48 - QL2 - QL32 - BX Cầm Khê	1495	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
2668	1948.2217.A	Phú Thọ	Đắk Nông	Mỹ Lung	Quảng Sơn	BX Mỹ Lung - QL70 - QL32 - QL2 - QL48 - QL1A - Đà Nẵng - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Quảng Sơn	1600	240	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28 và cự ly
	1948.2217.B	Phú Thọ	Đắk Nông	Mỹ Lung	Quảng Sơn	BX Mỹ Lung - QL70 - QL32 - IC10 - QL2 - QL48 - QL1A - Đà Nẵng - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Quảng Sơn	1650	240	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
2784	2024.1213.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Đại Từ	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Đường cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - QL3 tuyến tránh TP Thái Nguyên - QL3 - BX Đại Từ	420	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
2785	2024.1214.B	Thái Nguyên	Lào Cai	Đại Từ	Bắc Hà	BX Đại Từ - QL37 - QL2 - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	250	210	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
2793	2024.1614.D	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	Bắc Hà	BX Trung tâm TP Thái Nguyên - Đường Thống Nhất - QL3 - QL18 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	330	120	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT 1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của	Bổ sung hành trình D, điều chỉnh hành trình trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										Sở GTVTXD Lào Cai	
2887	2035.1213.C	Thái Nguyên	Ninh Bình	Đại Từ	Nho Quan	BX Nho Quan - ĐT477 - QL1A - Cao tốc (Pháp Vân - Cầu Giẽ) - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh trì - QL5 - Cầu Đông Trù - QL3 - Nút giao Tân Lập - QL3 tuyến tránh TP Thái Nguyên - Đường tròn Tân Long - QL3 - QL37 - BX Đại Từ	215	120	Tuyến mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C
3169	2123.1211.A	Yên Bái	Hà Giang	Lục Yên	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Vĩnh Tuy - Đồng Yên - BX Lục Yên	130	90	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh bổ sung lưu lượng
3181	2124.1213.A	Yên Bái	Lào Cai	Lục Yên	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Lục Yên - TL171 - QL70 - Đường Nguyễn Huệ - Cầu Cốc Lều - Đường Nhạc Sơn - Đường Hoàng Liên - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	170	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3188	2124.1613.A	Yên Bái	Lào Cai	Nước Mát	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Nước Mát - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC 12 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	190	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3196	2124.1814.A	Yên Bái	Lào Cai	Mù Căng Chải	Bắc Hà	BX Mùa Căng Chải - QL32 - QL279 - ĐT151 - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	183	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình chi tiết
3230	2129.1113.A	Yên Bái	Hà Nội	Yên Bái	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC12 - Đường Âu Cơ - QL37 - BX Yên Bái	150	1440	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến
3234	2129.1213.A	Yên Bái	Hà Nội	Lục Yên	Mỹ Đình	BX Lục Yên - TL171 - QL70 - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Cầu vượt Mai Dịch - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	240	270	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến
	2129.1213.B	Yên Bái	Hà Nội	Lục Yên	Mỹ Đình	BX Lục Yên - TL171 - Phố Cáo - Ngã ba Vĩnh Tuy - QL2 - Nút Giao IC9 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Cầu vượt Mai Dịch - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	265	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B và lưu lượng mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
3236	2129.1313.A	Yên Bái	Hà Nội	Nghĩa Lộ	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL32 - BX Nghĩa Lộ	203	690	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình qua QL32
	2129.1313.B	Yên Bái	Hà Nội	Nghĩa Lộ	Mỹ Đình	BX Nghĩa Lộ - QL32 - QL37 - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Cầu vượt Mai Dịch - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	216	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B và lưu lượng mới
3238	2129.1413.A	Yên Bái	Hà Nội	Mậu A	Mỹ Đình	BX Mậu A - TL163 - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	190	210	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến
3239	2129.1513.A	Yên Bái	Hà Nội	Hương Lý	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - BX Hương Lý	200	0	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Cắt giảm 30 chuyên/tháng để chuyển sang BX Thác Bà - Mỹ Đình (lưu lượng BX Thác Bà sau điều chỉnh sẽ là 175 chuyên/tháng)
3240	2129.1613.A	Yên Bái	Hà Nội	Nước Mát	Mỹ Đình	BX Nước Mát - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	155	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến
3241	2129.1616.A	Yên Bái	Hà Nội	Nước Mát	Yên Nghĩa	BX Nước Mát - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Nút giao BigC) - Nút giao BigC - Đại lộ Thăng Long - Đường Lê Trọng Tấn - QL6 - BX Yên Nghĩa	165	300	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến
3242	2129.1713.A	Yên Bái	Hà Nội	Thác Bà	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC9 - QL2 - BX Thác Bà	145	235	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình, cự ly và bổ sung lưu lượng từ 145 lên 205 chuyên/tháng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											và 30 chuyến từ tuyến 2129.1513.A
3318	2223.1116.A	Tuyên Quang	Hà Giang	TP Tuyên Quang	Đồng Văn	BX Đồng Văn - QL4C - Yên Minh - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C - QL2 - TP Hà Giang - QL2 - Bắc Quang - Hàm Yên - BX Tuyên Quang	305	45	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Giám lưu tượng từ 60 về 45 chuyến/tháng để chuyển 15 chuyến sang hành trình B
	2223.1116.B	Tuyên Quang	Hà Giang	TP Tuyên Quang	Đồng Văn	BX Đồng Văn - QL4C - Yên Minh - Lao và Chải - Cán ty - Quản Bạ - Quyết Tiến - QL4C (đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 (đường Nguyễn Trãi) - TP Hà Giang - QL2 - Bắc Quang - Hàm Yên - BX TP Tuyên Quang	282	15	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
3323	2223.1311.C	Tuyên Quang	Hà Giang	Huyện Na Hang	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL279 - ĐT188 - Thị trấn Láng Can (ĐT185) - Xã Khuôn Hà - Xã Thượng Lâm - ĐT185 - QL279 - QL2C - BX Huyện Na Hang	167	90	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C
3345	2229.1113.A	Tuyên Quang	Hà Nội	TP Tuyên Quang	Mỹ Đình	BX Tuyên Quang - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	165	300	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Làm rõ lưu lượng hành trình A, B. Lưu lượng chung tại VB 301/BGTVT- VT là 1980
	2229.1113.B	Tuyên Quang	Hà Nội	TP Tuyên Quang	Mỹ Đình	BX Tuyên Quang - QL2 - Phù Ninh - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	165	1680	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Làm rõ lưu lượng hành trình A, B. Lưu lượng chung tại Vb 301/BGTVT- VT là 1980
3472	2299.1211.E	Tuyên Quang	Bắc Ninh	Huyện Chiêm Hóa	Bắc Ninh	BX Huyện Chiêm Hóa - QL3B - QL2 - Đường tránh TP Tuyên Quang - Cầu An Hòa - QL37 - QL2C - ĐT302 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai (Nút giao IC3) - QL18 - QL1 - Cầu Bò Sơn - Đường Nguyễn Trãi - BX Bắc Ninh	211	90	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình E
3483	2324.1113.A	Hà Giang	Lào Cai	Phía Nam Hà Giang	BX khách kết hợp bãi	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Vị Xuyên - QL279 - QL70 - QL4D - BX kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	250	150	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh bổ sung lưu lượng (tăng 90 chuyến/tháng)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
					đồ xe thị xã Sa Pa						từ 60 lên 150 chuyến/tháng
3492	2328.1101.B	Hà Giang	Hòa Bình	Phía Nam Hà Giang	Trung tâm Hòa Bình	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL32 - ĐT419 - Đại lộ Thăng long - QL21 - Xuân Mai - QL6 - BX Trung tâm Hòa Bình	400	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung thêm lưu lượng 60 chuyến/tháng
3495	2329.1113.A	Hà Giang	Hà Nội	Phía Nam Hà Giang	Mỹ Đình	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	320	430	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung 70 chuyến/tháng từ hành trình D và 60 chuyến/tháng từ hành trình C, không làm thay đổi lưu lượng đầu bến xe Mỹ Đình
	2329.1113.C	Hà Giang	Hà Nội	Phía Nam Hà Giang	Mỹ Đình	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Cầu An Hòa - QL2C - TX Phúc Yên (Vĩnh Phúc) - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	320	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Cắt giảm 60 chuyến/tháng để chuyển sang hành trình A
	2329.1113.D	Hà Giang	Hà Nội	Phía Nam Hà Giang	Mỹ Đình	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL32 - QL21 - Đại lộ Thăng Long - Đường Lê Quang Đạo - Mễ Trì - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	320	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Giảm 70 chuyến/tháng để chuyển sang hành trình A
	2329.1113.B	Hà Giang	Hà Nội	Phía Nam Hà Giang	Mỹ Đình	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - Đoan Hùng - Phù Ninh (Phủ Thọ) - Cao tốc (Lào Cai Nội Bãi) - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	294	390	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh cự ly tuyến (từ 320 về 294 km)
3499	2329.1512.A	Hà Giang	Hà Nội	Bắc Quang	Gia Lâm	BX Gia Lâm - Nguyễn Văn Cừ - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - QL2A - QL2 - BX Bắc Quang	255	90	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung lưu lượng tăng 60 chuyến/tháng (từ 30 lên 90 chuyến/tháng)
3504	2334.1119.B	Hà Giang	Hải Dương	Phía Nam Hà Giang	Thanh Hà	BX Thanh Hà - ĐT390 - Cầu Quang Thanh - ĐT304 - QL10 - Ngã ba Quý Cao - ĐT391 - TT Tứ Kỳ - ĐT391 - Đường Thanh Niên kéo dài - Cầu vượt Tây Phú Lương - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bãi - Lào	410	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Cai) - Nút giao IC8 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang					
	2334.1119.C	Hà Giang	Hải Dương	Phía Nam Hà Giang	Thanh Hà	BX Thanh Hà - ĐT390 - Cầu Quang Thanh - ĐT304 - QL10 - Ngã ba Quý Cao - ĐT391 - QL37 - Cầu Me - ĐT396 - ĐT392 - QL38B - TT Gia Lộc - Ngã tư Hải Tân - Đường Thanh Niên kéo dài - Cầu vượt Tây Phú Lương - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bãi - Lào Cai) - Nút giao IC8 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang	440	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
3553	2389.1111.A	Hà Giang	Hung Yên	Phía Nam Hà Giang	TP Hưng Yên	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL5 - QL39 - BX Hưng Yên	390	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng
3565	2399.1212.A	Hà Giang	Bắc Ninh	Xín Mần	Quế Võ	BX Xín Mần - Hoàng Su Phì - Tân Quang - Bắc Quang - QL2 - Bắc Thăng Long - Đông Anh - QL18 (Nội Bài - Bắc Ninh) - Cầu Khả Lễ - QL1 - Cầu Đại Phúc - QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - BX Quế Võ	355	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lại hành trình
3567	2425.1211.B	Lào Cai	Lai Châu	Trung tâm Lào Cai	Lai Châu	BX Trung tâm Lào Cai - Đường Bình Minh - QL4E - ĐT151 - QL279 - QL32 - QL4D - BX Lai Châu	201	1200	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và cự ly
3577	2426.1382.A	Lào Cai	Sơn La	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Mộc Châu	BX Mộc Châu - QL6 - ĐT110 - QL279D - QL279 - QL32 - QL4D - BX kết hợp với bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	308	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tên bến xe
3586	2429.1213.A	Lào Cai	Hà Nội	Trung tâm Lào Cai	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Đường Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC18 - Đường Bình Minh - BX Trung tâm Lào Cai	275	1050	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình, cự ly và bổ sung 180 chuyến/tháng cho phù hợp với hiện trạng đang khai thác
3590	2429.1313.A	Lào Cai	Hà Nội	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	315	1050	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVT XD Lào Cai	Bổ sung lưu lượng 930 chuyến/tháng, điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến trên địa

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											bản tỉnh Lào Cai
3593	2429.1413.A	Lào Cai	Hà Nội	Bắc Hà	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - nút giao IC8 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	290	240	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD-QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Bổ sung lưu lượng 210 chuyên/tháng, điều chỉnh hành trình và cự ly trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3595	2429.1513.B	Lào Cai	Hà Nội	Văn Bàn	Mỹ Đình	BX Văn Bàn - QL279 - Nút giao IC16 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	240	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh cự ly và bổ sung 90 chuyên/tháng
3597	2429.1713.A	Lào Cai	Hà Nội	Mường Khương	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC19 - QL4D - Đường Hoàng Liên - Đường Nhạc Sơn - Cầu Cốc Lều - Đường Nguyễn Huệ - QL70 - QL4D - QL4 - BX Mường Khương	335	90	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD-QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Bổ sung lưu lượng 60 chuyên/tháng, điều chỉnh hành trình chạy xe và cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3599	2429.2013.A	Lào Cai	Hà Nội	Bảo Yên	Mỹ Đình	BX Bảo Yên - QL70 - Nút giao IC12 - Cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Nút giao IC12 (IC8) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	250	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng 90 chuyên/tháng
3601	2434.1212.E	Lào Cai	Hải Dương	Trung tâm Lào Cai	Hải Tân	BX Hải Tân - Đường Thanh Niên - Đường Trần Hưng Đạo - Cầu vượt Tây Phú Lương - QL5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC18 - Đường Bình Minh - BX Trung tâm Lào Cai	335	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình E
3607	2434.1315.A	Lào Cai	Hải Dương	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Bến Trại	BX Bến Trại - QL5 - QL3 - QL18 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	400	270	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
3623	2435.1319.A	Lào Cai	Ninh Bình	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Nam Thành	BX Nam Thành - QL1A - Đường vành đai 3 - Đường dẫn cầu Thanh Trì - ĐNguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Bắc Thăng Long - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	413	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3629	2436.1305.A	Lào Cai	Thanh Hóa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Phía Bắc TP Thanh Hóa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường 5 kéo dài - cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - cầu vượt Đường 5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường dẫn cầu Thanh Trì - cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 - QL1 - BX Phía Bắc Thanh Hóa	550	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3638	2437.1225.A	Lào Cai	Nghệ An	Trung tâm Lào Cai	Phía Bắc TP Vinh	BX Trung tâm Lào Cai - Nút giao IC18 - Cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Lý Sơn - cầu vượt Đường 5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường dẫn cầu Thanh Trì - cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao - QL1A - BX Phía Bắc TP Vinh	580	60	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh lại tên bến xe trong hành trình cho phù hợp với BX nơi đến
3642	2437.1325.A	Lào Cai	Nghệ An	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Phía Bắc TP Vinh	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao - Cao tốc (Pháp Vân - Cầu Giẽ) - Cao tốc (Hà Nội - Ninh Bình) - QL1A - BX Phía Bắc TP Vinh	610	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3672	2488.1313.A	Lào Cai	Vĩnh Phúc	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Yên Lạc	BX Yên Lạc - Đường Lam Sơn - TP Vinh Yên - QL2 - QL2B - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	290	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3678	2490.1311.A	Lào Cai	Hà Nam	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Trung tâm Hà Nam	BX Trung tâm Hà Nam - Đồng Văn - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Bắc Thăng Long - Cao tốc Nội Bài Lào	400	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa					
3679	2490.1312.A	Lào Cai	Hà Nam	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Vĩnh Trụ	BX Vĩnh Trụ - Đập Phúc - Hòa Mạc - Vực Vòng - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Bắc Thăng Long - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	420	150	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3687	2498.1321.A	Lào Cai	Bắc Giang	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Cầu Gò	BX Cầu Gò - ĐT292 - QL1A - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh trì - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	380	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3693	2499.1311.A	Lào Cai	Bắc Ninh	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Bắc Ninh	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL18 - QL1A - BX Bắc Ninh	335	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
3715	2529.1113.A	Lai Châu	Hà Nội	Lai Châu	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Đại lộ Thăng Long - TP Sơn Tây - QL32 - QL4D - BX TP Lai Châu	450	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lưu lượng của hành trình A và B (đổi cho nhau)
	2529.1113.B	Lai Châu	Hà Nội	Lai Châu	Mỹ Đình	BX Lai Châu - QL4D - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	400	450	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Không làm thay đổi tổng lưu lượng của hai hành trình tại BX Mỹ Đình
3718	2529.1213.A	Lai Châu	Hà Nội	Than Uyên	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL279 - QL32 - BX Than Uyên	350	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	2529.1213.B	Lai Châu	Hà Nội	Than Uyên	Mỹ Đình	BX Than Uyên - QL32 - QL4D - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu	450	210	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của	Tăng từ 0 lên 60 chuyến/tháng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình				Bộ GTVT 2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	theo VB số 11445/BGTVT- VT của Bộ, tại Văn bản số 2398/BGTVT- VT của Bộ là 120 chuyến/tháng. Tiếp tục đề xuất bổ sung 90 chuyến/tháng (Từ 120 lên 210) tại VB lần này
	2529.1213.C	Lai Châu	Hà Nội	Than Uyên	Mỹ Đình	BX Than Uyên - QL32 - QL4D - Cao tốc Nội Bãi, Lào Cai - Cò Tiét - Trung Hà - Sơn Tây - QL32 - Đường Hồ Tùng Mậu - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	430	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng đang khai thác
	2529.1213.D	Lai Châu	Hà Nội	Than Uyên	Mỹ Đình	BX Than Uyên - QL32 - QL37 - TP Yên Bái - TL172 nối IC12 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	330	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
3719	2529.1313.A	Lai Châu	Hà Nội	Huyện Nậm Nhùn	Mỹ Đình	BX Huyện Nậm Nhùn - Mường So - QL100 - QL4D - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn từ Cầu Thăng Long - Nút giao Cầu Vượt Mai Dịch) - Cầu Vượt Mai Dịch - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	530	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
3730	2536.1105.C	Lai Châu	Thanh Hóa	Lai Châu	Phía Bắc TP Thanh Hóa	BX Lai Châu - QL4D - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - Nút giao IC10 - QL32 - Vòng xuyến Vĩnh Thịnh (Sơn Tây) - QL21 - Đai lộ Thăng Long - Nút giao Big C - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Pháp Vân) - Pháp Vân, Cầu Rẽ - QL1A - QL12B - Ngã ba Lai Thành - QL10 - Nga Sơn - Cầu Hoàng Long - BX Phía Bắc TP Thanh Hóa	550	60	Tuyến mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C và lưu lượng 60 chuyến/tháng của hành trình C
3747	2548.1116.B	Lai Châu	Đắk Nông	Lai Châu	Quảng Khê	BX Quảng Khê - QL28 - Đường 23/3 - Đường Hồ Chí Minh - QL1A - QL16 - QL15 - Đường Hồ Chí Minh - QL12B - QL6 - Tuần Giáo -	1976	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						QL279 - TP. Điện Biên Phủ - QL12 - BX Lai Châu					
3778	2629.1113.A	Son La	Hà Nội	TP Sơn La	Mỹ Đình	BX Sơn La - QL6 - TP Hòa Bình - Cao tốc (Hòa Lạc - Hòa Bình) - Đại Lộ Thăng Long - Đường Châu Văn Liêm - Đường Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	300	660	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng từ Bến xe Phù Yên đi Bến xe Mỹ Đình (không làm thay đổi lưu lượng đầu BX Mỹ Đình)
3791	2629.8213.A	Son La	Hà Nội	Mộc Châu	Mỹ Đình	BX Mộc Châu - QL6 - TP Hòa Bình - Cao tốc (Hòa Lạc - Hòa Bình) - Đại Lộ Thăng Long - Đường Châu Văn Liêm - Đường Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	200	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng từ Bến xe Phù Yên đi Bến xe Mỹ Đình (không làm thay đổi lưu lượng đầu BX Mỹ Đình)
3793	2629.9313.A	Son La	Hà Nội	Phù Yên	Mỹ Đình	BX Phù Yên - QL37 - QL32 - Thanh Sơn - QL21 - Đại Lộ Thăng Long - Lê Quang Đạo - Mỹ Đình - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	168	0	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm 30 chuyến/tháng để chuyển sang tuyến Mộc Châu - Mỹ Đình, giảm tiếp 30 chuyến/tháng để chuyển sang tuyến Sơn La - Mỹ Đình
3809	2634.5511.A	Son La	Hải Dương	Sốp Cộp	Hải Dương	BX Hải Dương - Quán Thánh - An Định - Trần Hưng Đạo - Thanh Niên - QL37 - QL38B - QL39 - QL5 - QL38 - QL18 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Hồ Tùng Mậu - QL32 - QL21A - QL6 - Cò Nòi - QL37 kéo dài - Nà Ớt - QL4G - BX Sốp Cộp	460	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
	2634.5511.B	Son La	Hải Dương	Sốp Cộp	Hải Dương	BX Hải Dương - Đường Quán Thánh - QL5 - Cầu Thanh Trì - Vành đai 3 trên cao - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - Cò Nòi - QL37 kéo dài - Nà Ớt - 4G - BX Sốp Cộp	460	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
3815	2634.9315.B	Son La	Hải Dương	Phù Yên	Bến Trại	BX Phù Yên - QL37 - QL32B - QL32 - Tân Sơn - Thanh Sơn - ĐT316 - ĐT317 - Đường dẫn cầu Đông Quang - ĐT414 - Tân Lĩnh - ĐT84 - Làng văn hóa các dân tộc - Đại lộ Thăng Long - Đường Vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thanh trì) - Cầu Thanh Trì - QL5 - QL38 - ĐT392B - BX Bến Trại	250	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
3891	2689.5511.A	Son La	Hưng Yên	Sốp Cộp	TP Hưng Yên	BX Sốp Cộp - QL4G - Nà Ớt - QL37 kéo dài - Cò Nòi - QL6 - Hòa Bình - Hà Nội (Đường Lê Trọng Tấn - Đại lộ Thăng Long) - Đường Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - QL5 - QL39 - BX Hưng Yên	500	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
3892	2689.5516.A	Son La	Hưng Yên	Sốp Cộp	La Tiến	BX Sốp Cộp - QL4G - Nà Ớt - QL37 kéo dài - Cò Nòi - QL6 - Hà Nội (Đường Lê Trọng Tấn - Đường Ngọc Hồi) - Cầu Thanh Trì - QL5 - QL39 - Chợ Gạo - QL38B - Thị trấn Trần Cao - ĐT386 - BX La Tiến	500	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
	2689.5516.B	Son La	Hưng Yên	Sốp Cộp	La Tiến	BX Sốp Cộp - QL4G - Nà Ớt - QL37 kéo dài - Cò Nòi - QL6 - Hòa Bình - Thị trấn Xuân Mai - Đường Hồ Chí Minh - Đại lộ Thăng Long - Đường Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - QL5 - QL39 - Cầu Treo - ĐT376 - Thị trấn Vương - QL38B - Thị trấn Trần Cao - ĐT386 - BX La Tiến	500	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
3925	2699. 3012.B	Son La	Bắc Ninh	Quỳnh Nhai	Quế Võ	BX Quế Võ - QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - Cầu Đại Phúc - Cầu Khả Lễ - QL18 - QL2 - TL310 - Nút giao IC4 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC12 - QL37 - QL32 - QL279 - BX Quỳnh Nhai	450	60	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B (Đã rà soát bị trùng tuyến đã có nên điều chỉnh lại mã số tuyến và số thứ tự toàn quốc
3936	2729.1116.A	Điện Biên	Hà Nội	Điện Biên Phủ	Yên Nghĩa	BX Điện Biên Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Xuân Mai - BX Yên Nghĩa	480	450	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh lại lưu lượng theo QĐ số 189/QĐ-

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											BGTVT ngày 19/01/2017
3946	2729.1716.A	Điện Biên	Hà Nội	Tủa Chùa	Yên Nghĩa	BX Tủa Chùa - Ngã 3 Huổi Lực - ĐT144 - QL6 - Huổi Lóng - Tuần Giáo - QL6 - BX Yên Nghĩa	420	60	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe
4000	2798.1611.A	Điện Biên	Bắc Giang	Mường Nhé	Bắc Giang	BX Mường Nhé - QL4H - Mường Chà - QL12 - Thị xã Mường Lay - Phong Thổ - QL4D - TP Lai Châu - QL4D - Đường cao tốc Nội Bài Lào Cai - IC8 - QL2 - QL2A - QL18 - QL1A - QL17 - ĐT295B - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	670	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe
4001	2798.3011.B	Điện Biên	Bắc Giang	Mường Luân	Bắc Giang	BX Mường Luân - QL12 - Ngã ba Pom Lót - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - TP Hòa Bình - QL6 - ĐT70A - Văn Điển - QL1A - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - QL1A - ĐT179 - TX Từ Sơn - Đường Trần Phú - Đường Minh Khai - ĐT295B - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	590	30	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe và cự ly tuyến
4033	2834.0419.B	Hòa Bình	Hải Dương	Mai Châu	Thanh Hà	BX Mai Châu - QL15 - QL6 - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL5 - Phố Nối - TP. Hải Dương - BX Thanh Hà	185	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
4094	2861.5711.B	Hòa Bình	Bình Dương	Yên Thủy	Bình Dương	BX Yên Thủy - QL12B - ĐT477 - QL1 - TP Đà Nẵng - QL14B - QL14 - Đường Hồ Chí Minh - Chơn Thành - QL13 - Đường 30/4 - BX Bình Dương	1800	10	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
4130	2899.0412.D	Hòa Bình	Bắc Ninh	Mai Châu	Quế Võ	BX Mai Châu - QL15 - Ngã Ba Tòng Đậu - QL6 - Xã Phú Cường - QL6 - TP. Hòa Bình - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường Vành Đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - Cầu Đại Phúc - QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - BX Quế Võ	135	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
4201	2936.1103.A	Hà Nội	Thanh Hóa	Giáp Bát	Huyện Hoàng Hóa	BX Hoàng Hóa - QL1 (Ninh Bình - Phù Lý - Pháp Vân) - BX Giáp Bát	140	240	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung 30 chuyến/tháng từ BX Huyện Hồng, không làm thay đổi lưu lượng đầu

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											bến xe Giáp Bát
4210	2936.1112.A	Hà Nội	Thanh Hóa	Giáp Bát	Huyện Hong	BX Huyện Hồng - QL47 - Nút giao QL47 với đường vành đai phía Tây - Ngã ba Đình Hương - Nút giao cầu vượt Nguyễn Chí Thanh - Ngã tư BigC - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - BX Giáp Bát	186	300	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Giảm 30 chuyến/tháng để chuyển về BX Hoàng Hóa, không làm thay đổi lưu lượng đầu bến xe Giáp Bát Điều chỉnh lại hành trình cho phù hợp với phân luồng giao thông tránh TP Thanh Hóa
4228	2936.1505.A	Hà Nội	Thanh Hóa	Nước Ngầm	Phía Bắc TP Thanh Hóa	BX Phía Bắc Thanh Hóa - Cầu Hoàng Long - Cầu Tào - QL1A - Cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ - BX Nước Ngầm	150	900	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh giảm từ 1.200 xuống 900 chuyến/tháng (giảm 300 chuyến/tháng) để chuyển sang tuyến bến xe Huyện Hồng - Nước Ngầm (Hành trình B)
	2936.1505.B	Hà Nội	Thanh Hóa	Nước Ngầm	Phía Bắc TP Thanh Hóa	BX Phía Bắc Thanh Hóa - Cầu Hoàng Long - Cầu Tào - QL1A - Ninh Bình - Cầu Giẽ - BX Nước Ngầm	150	0	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	
4234	2936.1512.B	Hà Nội	Thanh Hóa	Nước Ngầm	Huyện Hong	BX Huyện Hồng - QL47C - Ngã tư Dân Lực - QL47 - Nút giao QL47 với đường vành đai phía Tây - Ngã 3 Đình Hương - Nút giao cầu vượt Nguyễn Chí Thanh - Ngã 4 BigC - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - Cao tốc Pháp Vân, Cầu Giẽ - BX Nước Ngầm	187	300	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B và lưu lượng từ Bến xe Phía Bắc TP Thanh Hoá (tổng số chuyển xe tại đầu BX Nước Ngầm không thay đổi)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
4245	2936.1606.A	Hà Nội	Thanh Hóa	Yên Nghĩa	Phía Nam TP Thanh Hóa	BX Phía Nam TP Thanh Hóa - Quảng Thịnh - QL1 Đường tránh TP - BX Yên Nghĩa	163	180	Tuyến đang khai thác	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Điều chỉnh giảm lưu lượng 60 chuyến/tháng để chuyển sang tuyến BX Nông Công - BX Yên Nghĩa
4298	2938.1511.D	Hà Nội	Hà Tĩnh	Nước Ngầm	Hà Tĩnh	BX Hà Tĩnh - QL1 - Đường tránh TP Hà Tĩnh - QL15B - ĐT547 - Cầu Cửa Hội - QL46 - QL1 - Cao tốc Ninh Bình Cầu Giẽ - BX Nước Ngầm	380	450	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình D và lưu lượng
4392	2988.1312.A	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Mỹ Đình	Vĩnh Tường	BX Mỹ Đình - QL32 - QL2 - BX Vĩnh Tường	56	180	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT-VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT 301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Giảm lưu lượng 60 chuyến/tháng (từ 300 về 240 để chuyển sang BX Than Uyên hành trình B theo VB số 11445/GTVT-VT của Bộ) Giảm tiếp 60 chuyến/tháng (từ 240 xuống 180 để chuyển sang hành trình C tuyến Bảo Lâm - Mỹ Đình (1129.2113.C)
4538	3448.1112.A	Hải Dương	Đắk Nông	Hải Dương	Huyện Đắk R'Lấp	BX Hải Dương - Đường Quán Thánh - QL5 - Đường 62m - Thị trấn Gia Lộc - QL38B - QL38 - Cao tốc cầu Giẽ Ninh Bình - QL1 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT686 - ĐT681 - Đường Hồ Chí Minh - BX Đắk R'Lấp	90	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và lưu lượng
4728	3548.1217.A	Ninh Bình	Đắk Nông	Kim Sơn	Quảng Sơn	BX Kim Sơn - QL10 - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - Đường 23/3 (thuộc thị xã Gia Nghĩa) - QL28 - BX Quảng Sơn	1283	15	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
4735	3548.1717.A	Ninh Bình	Đắk Nông	Thị trấn Bình Minh	Quảng Sơn	BX Thị trấn Bình Minh - QL12B kéo dài - Cổng Cà Mau - QL10 - QL1A - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - Đường 23/3 (thuộc thị xã Gia Nghĩa) - QL28 - BX Quảng Sơn	1283	15	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
4737	3548.1817.A	Ninh Bình	Đắk Nông	Lai Thành	Quảng Sơn	BX Lai Thành - QL1 - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - BX Quảng Sơn	1283	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
4988	3648.1416.A	Thanh Hóa	Đắk Nông	Thị trấn Ngọc Lặc	Quảng Khê	BX Ngọc Lặc - Đường Hồ Chí Minh - QL47 - Thành phố Thanh Hóa (theo phân luồng của TP Thanh Hóa) - QL1 - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - Đường 23/3 (TP Gia Nghĩa) - QL28 - BX Quảng Khê	1340	30	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chi tiết
4996	3648.2114.A	Thanh Hóa	Đắk Nông	Cửa Đạt	Huyện Krông Nô	BX Krông Nô - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng - QL1A - QL48 - Đường Hồ Chí Minh - QL47 - ĐT519 - BX Cửa Đạt	1268	15	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
5154	3699.2312.B	Thanh Hóa	Bắc Ninh	Quan Hóa	Quế Võ	BX Quế Võ - QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - Cầu Đại Phúc - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh Trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc (Hòa Lạc, Hòa Bình) - QL6 - QL15 - BX Quan Hóa	300	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
5215	3743.2111.A	Nghệ An	Đà Nẵng	Quỳ Hợp	Trung tâm Đà Nẵng	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nguyễn Văn Cừ - Tạ Quang Bửu - Hàm đèo Hải Vân - QL1A - QL46 - QL15A - Đường Hồ Chí Minh - QL48 - QL48C - BX Quỳ Hợp	560	240	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh lưu lượng cho phù hợp với QĐ 135
5777	3861.1411.A	Hà Tĩnh	Bình Dương	Hương Khê	Bình Dương	BX Bình Dương - QL13 - Ngã tư Bình Phước - QL1A - QL12A - QL15 - BX Hương Khê	1450	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung tuyến mới
5841	4348.1115.B	Đà Nẵng	Đắk Nông	Trung tâm Đà Nẵng	Huyện Cư Jút	BX Cư Jút - Đường Hồ Chí Minh - QL26 - QL29 - QL19C - QL1 - Đường Trường Chinh - Cầu Vượt Ngã ba Huế - Đường Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	600	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
5890	4368.1113.A	Đà Nẵng	Kiên Giang	Trung tâm Đà Nẵng	Hà Tiên	BX Hà Tiên - QL80 - QL91 - QL1A - Đường Trường Chinh - Cầu Vượt Ngã Ba Huế - Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	1300	240	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh tăng lưu lượng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
5994	4392.1122.A	Đà Nẵng	Quảng Nam	Trung tâm Đà Nẵng	Tiên Phước	BX Trung tâm Đà Nẵng - Tôn Đức Thắng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Trường Chinh - QL1A - Ngã Ba Kỳ Lý - DT615 - BX Tiên Phước	100	400	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	4392.1122.B	Đà Nẵng	Quảng Nam	Trung tâm Đà Nẵng	Tiên Phước	BX Trung tâm Đà Nẵng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - QL1A - Thị trấn Phú Tịnh - Xã Tiên Phong - Xã Tiên Mỹ - ĐT1 - BX Tiên Phước	100		Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	4392.1122.C	Đà Nẵng	Quảng Nam	Trung tâm Đà Nẵng	Tiên Phước	BX Trung tâm Đà Nẵng - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - QL1A - Thị trấn Hà Lam - QL14E - ĐT614 - BX Tiên Phước	100		Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
	4392.1122.D	Đà Nẵng	Quảng Nam	Trung tâm Đà Nẵng	Tiên Phước	BX Tiên Phước - QL40 - QL1A - Trường Chinh - Nút giao thông ngã ba Huế - Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	100		Tuyến đang khai thác	Quyết định số 135/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình theo Quyết định số 135/QĐ- BGTVT
	4392.1122.Đ	Đà Nẵng	Quảng Nam	Trung tâm Đà Nẵng	Tiên Phước	BX Tiên Phước - QL40 - QL1A - BX Trung tâm Đà Nẵng	100	300	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình Đ
6030	4748.1214.A	Đắk Lắk	Đắk Nông	TP. Buôn Ma Thuột	Huyện Krông Nô	BX Krông Nô - QL28 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - Ngõ Gia tự - BX TP Buôn Ma Thuột	60	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28; Điều chỉnh cự ly tuyến
6037	4748.1417.A	Đắk Lắk	Đắk Nông	Ea Kar	Quảng Sơn	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - QL26 - BX Ea Kar	145	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6063	4748.2614.A	Đắk Lắk	Đắk Nông	Phía Nam Buôn Ma Thuột	Huyện Krông Nô	BX Phía Nam Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - QL28 - BX Krông Nô	50	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6065	4748.2617.A	Đắk Lắk	Đắk Nông	Phía Nam Buôn Ma Thuột	Quảng Sơn	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - BX Phía Nam Buôn Ma Thuột	90	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và lưu lượng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
6095	4750.1311.A	Đắk Lắk	TP. Hồ Chí Minh	Buôn Hồ	Miền Đông	BX Buôn Hồ - Đường Hồ Chí Minh - Đường tránh phía Tây TP. Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - QL13 - Đường Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông	396	300	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Hành trình chạy xe và tăng lưu lượng
6461	4849.1911.B	Đắk Nông	Lâm Đồng	Đắk Song	Liên tỉnh Đà Lạt	BX Đắk Song - Đường Hồ Chí Minh - QL28 - QL20 - BX Liên tỉnh Đà Lạt	230	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
6471	4850.1411.B	Đắk Nông	TP. Hồ Chí Minh	Huyện Krông Nô	Miền Đông	BX Krông Nô - QL28 - Đường 23/3 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - ĐT741 - QL13 - Đường Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông	320	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28; Điều chỉnh cự ly tuyến
6477	4850.1611.A	Đắk Nông	TP. Hồ Chí Minh	Quảng Khê	Miền Đông	BX Quảng Khê - QL28 - Đường 23/3 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - Đường Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông	265	360	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh lưu lượng và cự ly tuyến
6480	4850.1711.A	Đắk Nông	TP. Hồ Chí Minh	Quảng Sơn	Miền Đông	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường 23/3 - QL14 - ĐT741 - QL13 - Đường Đinh Bộ Lĩnh - BX Miền Đông	264	180	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6491	4860.1420.A	Đắk Nông	Đồng Nai	Huyện Krông Nô	Nam Cát Tiên	BX Nam Cát Tiên - Đường Tà Lài - QL20 - QL1A - QL13 - ĐT741 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - Đường 23 tháng 3 - QL28 - BX Krông Nô	474	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6497	4860.1718.B	Đắk Nông	Đồng Nai	Quảng Sơn	Bảo Bình	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - ĐT747 - QL1K - QL1 - BX Bảo Bình	270	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
	4860.1718.A	Đắk Nông	Đồng Nai	Quảng Sơn	Bảo Bình	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - ĐT747 - QL1K - QL1 - BX Bảo Bình	270	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
6499	4860.1720.B	Đắk Nông	Đồng Nai	Quảng Sơn	Nam Cát Tiên	BX Nam Cát Tiên - Đ600A - Đường Tà Lài Núi Tượng - QL20 - ĐT721 - ĐT725 - QL28 - BX Quảng Sơn	295	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6509	4866.1715.A	Đắk Nông	Đồng Tháp	Quảng Sơn	Tân Hồng	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - QL1A - QL30 - BX Tân Hồng	500	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tên bến xe trong hành trình
6529	4872.1412.A	Đắk Nông	Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Krông Nô	Vũng Tàu	BX Vũng Tàu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lê Hồng Phong - Đường 3/2 - Đường Võ Nguyên Giáp - QL51 - QL1 - QL13 - ĐT741 - QL14 - QL28 - BX Krông Nô	455	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6530	4872.1418.A	Đắk Nông	Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Krông Nô	Long Điền	BX Long Điền - TL44 - Trường Chinh - QL51 - QL1 - QL13 - TL741 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - QL28 - BX Krông Nô	405	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6531	4872.1420.A	Đắk Nông	Bà Rịa - Vũng Tàu	Huyện Krông Nô	Xuyên Mộc	BX Krông Nô - QL28 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - ĐT741 - ĐT747 - ĐT743 - QL1 - ĐT765 - QL55 - BX Xuyên Mộc	455	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6619	4884.1717.B	Đắk Nông	Trà Vinh	Quảng Sơn	Trà Cú	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - QL1 - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL60 - QL53 - QL54 - BX Trà Cú	370	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
	4884.1717.A	Đắk Nông	Trà Vinh	Quảng Sơn	Trà Cú	BX Quảng Sơn - QL28 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - QL1 - QL60 - QL53 - QL54 - BX Trà Cú	477	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6628	4886.1516.B	Đắk Nông	Bình Thuận	Huyện Cư Jút	La Gi	BX Cư Jút - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - ĐT747 - ĐT747A - Đường Bùi Hữu Nghĩa -	445	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						QL51 - Đường Mỹ Xuân Ngãi Giao - Ngãi Giao Hòa Bình - ĐT328 - QL55 - BX La Gi					
6633	4892.1413.A	Đắk Nông	Quảng Nam	Huyện Krông Nô	Nam Phước	BX Krông Nô - QL28 - Đường Hồ Chí Minh (QL14 cũ) - QL19 - QL1 - BX Nam Phước	645	45	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình do TL684 (ĐT684) cũ đã chuyển thành QL28
6637	4893.1414.B	Đắk Nông	Bình Phước	Huyện Krông Nô	Bù Đốp	BX Krông Nô - QL28 - Đường 23/3 (thuộc TP. Gia Nghĩa) - Đường Hồ Chí Minh - ĐT759 - ĐT759B - BX Bù Đốp	240	90	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
6716	4966.1115.C	Lâm Đồng	Đồng Thấp	Liên tỉnh Đà Lạt	Tân Hồng	BX Tân Hồng - QL30 - QL1A - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1A - QL55 - QL20 - BX Liên tỉnh Đà Lạt	585	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
6749	4972.1112.B	Lâm Đồng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Liên tỉnh Đà Lạt	Vũng Tàu	BX Liên tỉnh Đà Lạt - QL20 - QL1A - ĐT769 - QL51 - BX Vũng Tàu	335	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tăng lưu lượng từ 60 lên 240
6805	4981.1115.B	Lâm Đồng	Gia Lai	Liên tỉnh Đà Lạt	KBang	BX KBang - ĐT669 - QL19 - QL1 - QL27C - Đường Huỳnh Tấn Phát - QL20 - Đường Hùng Vương - Đường 3/4 - BX Liên tỉnh Đà Lạt	460	30	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
6830	4986.1116.D	Lâm Đồng	Bình Thuận	Liên tỉnh Đà Lạt	La Gi	BX Liên tỉnh Đà Lạt - QL20 - Phú Túc - Suối Nho - QL1 - Suối Cát - Sông Ray - Bà Tô - Xuyên Mộc - QL55 - Bình Châu - Tân Thắng - BX La Gi	340	90	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình D
6914	5066.1211.C	TP. Hồ Chí Minh	Đồng Thấp	Miền Tây	Cao Lãnh	BX Miền Tây - Kinh Dương Vương - QL1 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - Cao tốc Mỹ Thuận Trung Lương - QL30 - BX Cao Lãnh	132	1800	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
6929	5067.1211.C	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Long Xuyên	BX Long Xuyên - Đ. Phạm Cự Lượng - Đ. Trần Hưng Đạo - Đ. Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - ĐT942 - ĐT848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung Lương đi TP.HCM - QL1A - Đ. Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	196	1740	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
	5067.1211.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Long Xuyên	BX Long Xuyên - Đ. Phạm Cự Lượng - Đ. Trần Hưng Đạo - QL91 - cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung Lương đi TP.HCM - QL1A - Đ. Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	196	1740	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
6930	5067.1212.C	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Châu Đốc	BX Châu Đốc - Đ. Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ. Trần Hưng Đạo - Đ. Hùng Vương - Đ. Lý Thái Tổ - Đ. Trần Hưng Đạo - Đ. Phạm Cự Lượng -	250	2970	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - Đ.T942 - Đ.T848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung Lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây					
	5067.1212.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Châu Độc	BX Châu Đốc - Đ.Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 - Cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung Lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	250	1485	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
6934	5067.1218.E	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Tỉnh Biên	BX Miền Tây - Đường Kinh Dương Vương - QL1 - Cao tốc TP. Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1 - QL80 - Phà An Hòa - QL91 - Đ.T941 - Đ.T948 - QL91 - BX Tỉnh Biên	180	180	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình E
	5067.1218.C	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Tỉnh Biên	BX Tỉnh Biên - QL91 - Đường tránh QL91 - Đ.Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Hùng Vương - Đ.Lý Thái Tổ - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - Đ.T942 - Đ.T848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	278	600	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C
	5067.1218.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Tỉnh Biên	BX Tỉnh Biên - QL91 - Đường tránh QL91 - Đ.Tôn Đức Thắng - BX Châu Đốc - Đ.Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 - Cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	278	240	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình D
6936	5067.1220.C	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Núi Sập	BX Núi Sập - Đ.T943 - Đ.Hà Hoàng Hồ - Đ.Ưng Văn Khiêm - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - Đ.T942 - Đ.T848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	232	150	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
	5067.1220.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Núi Sập	BX Núi Sập - Đ.T943 - Đ.Hà Hoàng Hồ - Đ.Ưng Văn Khiêm - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 - cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	232	150	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
6939	5067.1227.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Ốc Eo	BX Ốc Eo - ĐT943 - Đường tránh Núi Sập - ĐT943 - Đ.Hà Hoàng Hồ - Đ.Ưng Văn Khiêm - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - ĐT942 - ĐT848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	280	600	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
	5067.1227.E	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Ốc Eo	BX Ốc Eo - ĐT943 - Đường tránh Núi Sập - ĐT943 - Đ.Hà Hoàng Hồ - Đ.Ưng Văn Khiêm - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 - cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	280	300	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
6940	5067.1228.C	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Khánh Bình	BX Khánh Bình - QL91C - Cầu Cồn Tiên - Đ.Thủ Khoa Nghĩa - Đ.Nguyễn Văn Thoại - Đ.Hoàng Diệu - Đ.Nguyễn Tri Phương - Đ.Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Hùng Vương - Đ.Lý Thái Tổ - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Lý Thái Tổ - Phà An Hòa - ĐT942 - ĐT848 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung Lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	285	390	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
	5067.1228.D	TP. Hồ Chí Minh	An Giang	Miền Tây	Khánh Bình	BX Khánh Bình - QL91C - cầu Cồn Tiên - Đ.Thủ Khoa Nghĩa - Đ.Nguyễn Văn Thoại - Đ.Hoàng Diệu - Đ.Nguyễn Tri Phương - Đ.Tôn Đức Thắng - BX Châu Đốc - Đ.Tôn Đức Thắng - QL91 - Đ.Trần Hưng Đạo - Đ.Phạm Cự Lượng - Đ.Trần Hưng Đạo - QL91 - Cầu Vàm Cống - QL80 - Se Đéc - QL80 - Quán cơm Tám Ri - Cao tốc Trung lương đi TP.HCM - QL1A - Đ.Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	285	360	Tuyến đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình
6968	5070.1415.A	TP. Hồ Chí Minh	Tây Ninh	An Sương	Đức Thành Vinh-TC	BX Đức Thành Vinh-TC - ĐT785 - Đường Trần Phú - Ngã ba Lâm Vô - Đường Bời Lờ (ĐT790) - Đường Điện Biên Phủ (ĐT799) - Cửa Hòa Viện - ĐT781 - Cầu K13 - ĐT784 - ĐT782 - Thị trấn Trảng Bàng - QL22 - BX An Sương	118	750	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Thay đổi BX đầu tỉnh Tây Ninh (từ Bến xe Huệ Nghĩa thành Bến xe Đức Thành Vinh-TC) theo Quyết định số 354/QĐ-

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
											SGTVT Ngày 29/12/2022 của Sở GTVT Tây Ninh
6976	5071.1211.A	TP. Hồ Chí Minh	Bến Tre	Miền Tây	Bến Tre	BX Miền Tây - Đường Kinh Dương Vương - QL1 - Đường dẫn Bình Thuận - Chợ Đệm - Đường cao tốc TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - ĐT878 - QL1 - Quốc lộ 60 - Quốc lộ 57B (ĐT883 cũ) - Đường Trần Văn Ôn (QL60 cũ) - QL60 - BX Bến Tre	95	2560	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Cập nhật lại hành trình tuyến
6994	5072.1412.B	TP. Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	An Sương	Vũng Tàu	BX An Sương - QL22 - QL1 - QL51 - Đường 3/2 - Đường Lê Hồng Phong - Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - BX Vũng Tàu	120	360	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
	5072.1412.C	TP. Hồ Chí Minh	Bà Rịa - Vũng Tàu	An Sương	Vũng Tàu	BX An Sương - QL22 - QL1 - QL51 - QL51C - Đường 3/2 - Đường Lê Hồng Phong - BX Vũng Tàu	120	270	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình C
7072	5078.1117.A	TP. Hồ Chí Minh	Phú Yên	Miền Đông	Chí Thạnh	BX Miền Đông - QL13 - QL1 - BX Chí Thạnh	600	240	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tăng lưu lượng
7073	5078.1118.A	TP. Hồ Chí Minh	Phú Yên	Miền Đông	Sông Cầu	BX Sông Cầu - QL1 - QL13 - BX Miền Đông	560	240	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tăng lưu lượng
7074	5078.1119.A	TP. Hồ Chí Minh	Phú Yên	Miền Đông	La Hai	BX La Hai - ĐT641 - QL1 - QL13 - BX Miền Đông	602	240	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh tăng lưu lượng
7163	5086.1415.C	TP. Hồ Chí Minh	Bình Thuận	An Sương	Bắc Ruộng	BX An Sương - QL22 - QL1 - ĐT766 - ĐT720 (Gia An) - QL55 - ĐT717 - BX Bắc Ruộng	185	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
7333	6068.1211.A	Đồng Nai	Kiên Giang	Biên Hòa	Kiên Giang	BX Kiên Giang - QL61 - QL80 - QL1A - QL1K - Nguyễn Ái Quốc - BX Biên Hòa	302	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm lưu lượng
7340	6068.1415.A	Đồng Nai	Kiên Giang	Tân Phú	Gò Quao	BX Gò Quao - ĐT962 - QL61 - QL61C - QL1A - ĐT877 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1A - XL Hà Nội - QL1A - QL20 - BX Tân Phú	329	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm lưu lượng
7341	6068.1513.A	Đồng Nai	Kiên Giang	Xuân Lộc	Hà Tiên	BX Hà Tiên - QL80 - Ngã ba Vàm Rầy - ĐT970 - Túc Dụ - Cô Tô - ĐT15 - TT Tri Tôn - ĐT955B - TT Ba Chúc - QLN1 - ĐT948 - ĐT941 - QL91 - QL80 - TP Sa Đéc - QL1A - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - Đường Nguyễn Văn Linh - Cao tốc Long Thành Dầu Giây - ĐT769 - Đường Trần Phú - Đường Hùng Vương (Đường 19) - Đường Phạm Văn Đồng -	555	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm lưu lượng

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Đ25B - Đường Lê Duẩn - QL51 - Đường Đặng Văn Trơn - Đường Huỳnh Văn Nghệ - ĐT768 - Đường Đồng Khởi - QL1A - ĐT766 - BX Xuân Lộc					
7353	6068.5418.A	Đồng Nai	Kiên Giang	Phú Thạnh	Vĩnh Thuận	BX Phú Thạnh - ĐT769 - Đường 25B - QL51 - Ngã tư Vũng Tàu - QL1A - Ngã 4 Bình Phước - QL1A - Cao tốc Trung Lương - QL80 - QL61 - QL63 - BX Vĩnh Thuận	410	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh giảm lưu lượng
7389	6071.2714.A	Đồng Nai	Bến Tre	Phú Túc	Bình Đại	BX Phú Túc - QL20 - QL1A - QL60 - ĐT883 - BX Bình Đại	220	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chuyển từ BX Định Quán sang BX Phú Túc do BX Định Quán ngừng hoạt động
7397	6071.5412.A	Đồng Nai	Bến Tre	Phú Thạnh	Ba Tri	BX Ba Tri - QL57C - ĐT885 - Đường Nguyễn Thị Định - Đại lộ Đồng Khởi - QL60 - QL1A - ĐT878 - Đường cao tốc (Trung Lương - TP HCM) - QL1A - Ngã 4 An Sương - Ngã 4 Bình Phước - QL1A - Cầu Đồng Nai - Vòng xoay Ngã 4 Vũng Tàu - QL51 - Ngã 3 Nhơn Trạch - Đường 25B - ĐT769 - BX Phú Thạnh	200	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình tuyến
7421	6078.5413.B	Đồng Nai	Phú Yên	Phú Thạnh	Nam Tuy Hòa	BX Phú Thạnh - ĐT769 - Đ.25B - QL51 - Ngã 4 Vũng Tàu - QL1A - QL13 - ĐT741 - QL14 - Đ.30/4 - Đ.Nguyễn Tất Thành - Đ.Nguyễn Văn Cừ - QL26 - QL19 - ĐT649 - QL29 - ĐT645 - QL1A - Đ.Nguyễn Văn Linh - BX Nam Tuy Hòa	550	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
7511	6093.2014.B	Đồng Nai	Bình Phước	Nam Cát Tiên	Bù Đốp	BX Nam Cát Tiên - Đường 600A - Đường Tà Lài Núi Tượng - QL20 - QL721 - Đường Sao Bông Đặng Hà - QL14 - ĐT759 - ĐT759B - BX Bù Đốp	250	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
7516	6093.2314.B	Đồng Nai	Bình Phước	Sông Ray	Bù Đốp	BX Bù Đốp - ĐT759B - QL13 (Ngã 4 Bình Phước) - QL1A - Cầu Đồng Nai - Ngã 4 Vũng Tàu - Xa lộ Hà Nội - QL1A - QL56 - ĐT764 - BX Sông Ray	250	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
7634	6167.1112.B	Bình Dương	An Giang	Bình Dương	Châu Đốc	BX Châu Đốc - QL91 - Long Xuyên - cầu Vàm Cống - cầu Cao Lãnh - QL30 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT846 - ĐT865 - ĐT868 - QL1 - Cao tốc Trung lương đi TP.Hồ Chí Minh - QL1 - QL13 - Đường 30/04 - BX Bình Dương	255	120	Tuyến đang khai thác	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
7738	6171.2017.A	Bình Dương	Bến Tre	An Phú	Chợ Lách	BX Chợ Lách - QL57 - ĐT882 - QL60 - QL1A - Cầu vượt Sóng Thần - ĐL Độc lập - ĐT743 - Ngã tư 550 - ĐT743 - Ngã 6 An Phú - BX An Phú	145	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
7793	6178.1914.B	Bình Dương	Phú Yên	Bến Cát	Sông Hinh	BX Sông Hinh - QL29 - ĐT645 - QL1 - QL13 - BX Bến Cát	615	180	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
7806	6183.1107.A	Bình Dương	Sóc Trăng	Bình Dương	Mỹ Tú	BX Bình Dương - QL13 - QL1A - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - BX Mỹ Tú	275	240	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
7817	6183.2001.A	Bình Dương	Sóc Trăng	An Phú	Sóc Trăng	BX An Phú - ĐT743 - Ngã Tư 550 - QL1 - Cao tốc TP HCM Trung Lương - QL1 - BX Sóc Trăng	250	90	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	
7853	6184.1914.A	Bình Dương	Trà Vinh	Bến Cát	Cầu Kè	BX Cầu Kè - QL54 - QL60 - QL53 - QL1A - Cao tốc TP HCM Trung Lương - QL1A - Ngã 4 Bình Phước - QL13 - BX Bến Cát	269	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình và bổ sung lưu lượng
7868	6184.2313.C	Bình Dương	Trà Vinh	Bàu Bàng	Thị xã Duyên Hải	BX Duyên Hải - QL53 - ĐT914 - QL53 - QL54 - đường Nguyễn Đăng - QL53 - QL60 - QL1A - Cao tốc TP HCM Trung Lương - QL1A - QL13 - BX Bàu Bàng	323	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
	6184.2313.B	Bình Dương	Trà Vinh	Bàu Bàng	Thị xã Duyên Hải	BX Thị xã Duyên Hải - QL53 - ĐT914 - QL53 - QL54 - Nguyễn Đăng - QL53 - QL60 - QL1A - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - QL13 - BX Bàu Bàng	323	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình, cự ly và bổ sung lưu lượng
7872	6185.1911.A	Bình Dương	Ninh Thuận	Bến Cát	Ninh Thuận	BX Ninh Thuận - QL1A - Ngã tư Bình Phước - QL13 - BX Bến Cát	381	120	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung lưu lượng từ 60 lên 120 chuyến/tháng (tăng 60 chuyến/tháng)
8509	6981.1111.B	Cà Mau	Gia Lai	Cà Mau	Đức Long Gia Lai	BX Cà Mau - Đường Lý Thường Kiệt - Đường 3/2 - Quản lộ Phụng Hiệp - QL1A - QL13 - Đường Hồ Chí Minh - BX Đức Long Gia Lai	870	60	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
8522	6984.1113.B	Cà Mau	Trà Vinh	Cà Mau	Thị xã Duyên Hải	BX Cà Mau - Đường Lý Thường Kiệt - Đường 3/2 - Đường Trần Hưng Đạo - Quản lộ Phụng Hiệp - QL61B - QL61 - QL1A - QL54 - QL53 - ĐT914 - QL53 - BX Thị xã Duyên Hải	280	60	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
8610	7095.1111.A	Tây Ninh	Hậu Giang	Tây Ninh	Vị Thanh	BX Tây Ninh - Đường Trưng Nữ Vương - Đường 30/4 - QL22B - TX Trảng Bàng - QL22 - Ngã tư Cù Chi - TL8 - TL823 - TL9 - Đức	330	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Hòa Thượng - TL824 - Ngã tư Bến Lức - QL1A - QL61 - BX Vị Thanh					
8907	7581.1211.B	Thừa Thiên Huế	Gia Lai	Phía Nam TP Huế	Đức Long Gia Lai	BX Đức Long Gia Lai - QL14 - Đường Hồ Chí Minh - QL1A - BX Phía Nam TP Huế	458	90	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B Nguồn tuyến: Quyết định số 2288/QĐ- BGTVT
9098	7881.1511.B	Phú Yên	Gia Lai	Liên tỉnh Phú Yên	Đức Long Gia Lai	BX Đức Long Gia Lai - Đường Hồ Chí Minh - QL25 - QL1 - BX Liên tỉnh Phú Yên	220	300	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình chạy xe bên Gia Lai
9223	8286.1111.B	Kon Tum	Bình Thuận	Kon Tum	Bắc Phan Thiết	BX Kon Tum - đường Phan Đình Phùng - đường Hồ Chí Minh (Buôn Ma Thuột) - QL26 (Ninh Hòa) - QL1A - Đường 19/4 - BX Phía Bắc Phan Thiết	640	30	Tuyến đang khai thác	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
9254	8493.1314.A	Trà Vinh	Bình Phước	Thị xã Duyên Hải	Bù Đốp	BX Bù Đốp - ĐT759B - QL13 - QL1A - QL53 - Võ Nguyên Giáp - Nguyễn Đăng - QL53 - BX Duyên Hải	438	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Điều chỉnh hành trình
9254	8493.1314.B	Trà Vinh	Bình Phước	Thị xã Duyên Hải	Bù Đốp	BX Duyên Hải - QL53 - ĐT914 - QL53 - QL54 - Đường Nguyễn Đăng - Đường Võ Nguyên Giáp - QL53 - QL60 - QL1A - Cao tốc TP HCM Trung Lương - QL1A - QL13 - ĐT759B - BX Bù Đốp	388	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
9254	8493.1314.C	Trà Vinh	Bình Phước	Thị xã Duyên Hải	Bù Đốp	BX Duyên Hải - QL53 - Đường Nguyễn Đăng - Đường Võ Nguyên Giáp - QL53 - QL60 - QL1A - Cao tốc TP HCM Trung Lương - QL1A - QL13 - ĐT759B - BX Bù Đốp	388	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình C
9281	8898.1111.A	Vĩnh Phúc	Bắc Giang	Vĩnh Yên	Bắc Giang	BX Bắc Giang - ĐT295B - Bắc Ninh - QL18 - BX Vĩnh Yên	120	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung lưu lượng
9355	1627.1730.B	Hải Phòng	Điện Biên	Đồ Sơn	Mường Luân	BX Đồ Sơn - Đường Lý Thánh Tông - ĐT353 - ĐT355 - Ngã 5 Kiến An - Đường Phan Đăng Lưu - Cầu Kiến An - ĐT351 - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL39 - Phố Nối - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - TP Hòa Bình - QL6 - Ngã ba Cò Nòi - QL37 - Nà Ồt - QL4G - Thị trấn Sông Mã - QL12 - BX Mường Luân	518	30	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh hành trình B

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9367	1625.1711.A	Hải Phòng	Lai Châu	Đồ Sơn	Lai Châu	BX Đồ Sơn - Đường Lý Thánh Tông - ĐT353 - ĐT355 - Ngã 5 Kiến An - Đường Phan Đăng Lưu - Cầu Kiến An - ĐT351 - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL39A - QL5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường Lý Sơn - Cầu Đồng Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Ngã 3 Kim Anh - Cao tốc (Nội Bài Lào Cai) - QL4D - BX Lai Châu	495	60	Tuyến đang khai thác	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung thêm lưu lượng (tăng từ 30 lên 60 chuyến/tháng)
9372	6786.1911.A	An Giang	Bình Thuận	Tri Tôn	Bắc Phan Thiết	BX Tri Tôn - ĐT948 - QL91 - QL80 - QL1A - Cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận - Cao tốc Trung Lương TP HCM - Cao tốc Long Thành Dầu Giây - Đường Trần Phú - Đường Nguyễn Ái Quốc (Đường 25D) - Đường Hùng Vương (ĐT19) - ĐT769 - Đường Lê Duẩn - QL51 - Xa lộ Hà Nội - Đường Mỹ Phước Tân Vạn - QL1K - Đường Nguyễn Ái Quốc - Đường Huỳnh Văn Nghệ - ĐT768 - Đường Đồng Khởi - Đường Võ Nguyên Giáp - QL1A - Đường Lê Duẩn - Đường Trần Hưng Đạo - Đường Từ Văn Tư - BX Bắc Phan Thiết	494	30	Tuyến mới	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9373	2729.1416.A	Điện Biên	Hà Nội	Bản Phủ	Yên Nghĩa	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hòa Bình - Xuân Mai - QL6 - BX Yên Nghĩa	450	60	Tuyến mới	7590/BGTVT-VT ngày 26/07/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9374	6066.2118.A	Đồng Nai	Đồng Tháp	Trị An	Trường Xuân	BX Trường Xuân - Đường Võ Văn Kiệt - ĐT845 - ĐT846 - ĐT865 - ĐT869 - QL1A - ĐT875 - ĐT864 - ĐT870 - Cao tốc (Trung Lương - TP HCM) - QL1A - Cầu Đồng Nai - Xa Lộ Hà Nội - QL1 - Ngã 3 Trị An - ĐT767 - BX Trị An	230	62	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9375	1628.2501.B	Hải Phòng	Hòa Bình	Vĩnh Niệm	Trung tâm Hòa Bình	BX Trung tâm Hòa Bình - QL6 - QL12B - ĐT477 - QL1 - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	290	60	Tuyến mới		Bổ sung hành trình B
	1628.2501.C	Hải Phòng	Hòa Bình	Vĩnh Niệm	Trung tâm Hòa Bình	BX Trung tâm Hòa Bình - QL6 - QL12B - ĐT477 - QL1 - Đồng Văn - Cầu Yên Lệnh - TP Hưng Yên - Phố Nối - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	290	30	Tuyến mới		Bổ sung hành trình C
	1628.2501.A	Hải Phòng	Hoà Bình	Vĩnh Niệm	Trung tâm Hòa Bình	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - ĐT477 - Nho	240	30	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Quan - QL12B - Yên Thủy - Lạc Sơn - Tân Lạc - QL6 - BX Trung Tâm TP Hòa Bình					
9376	1636.2107.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Cát Bà	Nghi Sơn	BX Cát Bà - Đình Vũ - TL356 - QL5 - QL10 - QL1 - Đường Nghi Sơn - BX Nghi Sơn	260	30	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9377	1638.2511.A	Hải Phòng	Hà Tĩnh	Vĩnh Niệm	Hà Tĩnh	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1A - BX Hà Tĩnh	400	60	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9378	1638.2514.A	Hải Phòng	Hà Tĩnh	Vĩnh Niệm	Hương Khê	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1 - QL8A - QL15 - BX Hương Khê	420	30	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9379	1638.2520.A	Hải Phòng	Hà Tĩnh	Vĩnh Niệm	Tây Sơn	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - QL1A - QL07 - QL46 - QL08 - BX Tây Sơn	450	60	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9380	5068.1619.A	TP. Hồ Chí Minh	Kiên Giang	Ngã Tư Ga	An Minh	BX An Minh - ĐT967 - Đường Hành lang ven biển Phía Nam - QL63 - QL61 - QL80 - QL1A - BX Ngã Tư Ga	280	150	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9381	6883.1902.A	Kiên Giang	Sóc Trăng	An Minh	Trà Men	BX An Minh - ĐT967 - QL63 - QL61 - QL80 - QL91 - QL91B - QL1A - BX Trà Men	140	120	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9382	1422.1313.A	Quảng Ninh	Tuyên Quang	Cái Răng	Huyện Na Hang	BX Cái Răng - QL18 - Sao Đỏ - QL1 - Cao tốc Hà Nội Thái Nguyên - QL3 - QL37 - Cầu Nông Tiến - QL2 - QL3B - Thị trấn Chiêm Hóa - QL2C - BX Na Hang	427	90	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9383	1725.2212.A	Thái Bình	Lai Châu	Tiền Hải	Huyện Than Uyên	BX Tiền Hải - QL37B - ĐT458 - QL10 - QL21B - Nút giao Liêm Tuyền - Cao tốc Pháp Vân Cầu Rễ Ninh Bình - Pháp Vân - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Pháp Vân - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường Lý Sơn - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút IC16 - QL279 - QL32 - BX Than Uyên	400	60	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9384	1798.1823.A	Thái Bình	Bắc Giang	Huyện Kiến Xương	Phía Nam huyện Hiệp Hòa	BX huyện Kiến Xương - ĐT458 - Đường tránh phía Nam thành phố Thái Bình - Cầu Quảng Trường - QL10 - QL39 - Cầu Triều Dương - Đường tránh TP Hưng Yên - Cao tốc đường 5B - Cầu vượt đường 5 - QL1 - Đường 18 - Yên Phong - TL296 - BX Phía Nam huyện Hiệp Hòa	170	30	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9385	1799.1513.A	Thái Bình	Bắc Ninh	Huyện Thái Thụy	Lương Tài	BX Thái Thụy - ĐT456 - QL39 - QL10 - QL39 - QL5A - QL17 - BX Lương Tài	120	30	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9386	6684.1513.A	Đồng Thấp	Trà Vinh	Tân Hồng	Thị xã Duyên Hải	BX Tân Hồng - QL30 - QL1A - QL53 - BX Duyên Hải	255	62	Tuyến mới	8510/BGTVT-VT ngày 17/08/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9387	1218.1516.A	Lạng Sơn	Nam Định	Đồng Đăng	Quất Lâm	BX Quất Lâm - QL37B - TL489B - Cầu Thức Hóa - Ngã tư Hải Hậu - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Cầu Thanh Trì - QL1A - BX Đồng Đăng	285	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9388	1218.1213.A	Lạng Sơn	Nam Định	Bắc Sơn	Hải Hậu	BX Hải Hậu - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Cầu Thanh Trì - QL5 - QL3 - QL1B - BX Bắc Sơn	280	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9389	1819.2218.A	Nam Định	Phú Thọ	Trực Ninh	Thanh Thủy	BX Trực Ninh - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường - Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Pháp Vân - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - QL21 - QL32 - ĐT316 - BX Thanh Thủy	186	60	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9390	1870.1611.A	Nam Định	Tây Ninh	Quất Lâm	Tây Ninh	BX Quất Lâm - TL489B - QL37B - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL1A - QL22 - ĐT782 - ĐT784 - ĐT781 - BX Tây Ninh	1796	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9391	1899.1512.A	Nam Định	Bắc Ninh	Thịnh Long	Quê Võ	BX Thịnh Long - QL21B - QL37B - QL21 - đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Cầu Thanh Trì - QL1A mới - Cầu Đại Phúc - QL18 - BX Quê Võ	193	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9392	1899.1311.A	Nam Định	Bắc Ninh	Hải Hậu	Bắc Ninh	BX Hải Hậu - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường Liêm Tuyền - Cao tốc (Pháp Vân, Cầu Giẽ, Ninh Bình) - Cầu Thanh Trì - QL1A mới - Cầu Bồ Sơn - Đường Nguyễn Trãi - BX Bắc Ninh	190	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9393	1427.1416.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Trung tâm Cầm Phá	Mường Nhé	BX Mường Nhé - QL4H - Mường Chà - QL12 - TP Điện Biên Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Đường Hòa Lạc, Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL5 - QL10 - QL18 - BX Trung tâm Cầm Phá	838	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9394	2734.1415.A	Điện Biên	Hải Dương	Bản Phủ	Bến Trại	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Cao tốc Hòa Lạc, Hòa Bình - QL21A - Sơn Tây - QL2C - QL2A - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL18 - Sao Đỏ - QL37 - QL5 - Quán Gỏi - QL38 - ĐT392 - ĐT392B - BX Bến Trại	700	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Làm rõ hành trình qua Hà Nội
9395	2790.1412.A	Điện Biên	Hà Nam	Bản Phủ	Vĩnh Trại	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - ĐT70A - QL1A - Cầu Giẽ - QL1A - Đồng Văn - QL1A - Thành phố Phủ Lý - QL1A - QL21A - Thị trấn Bình Mỹ - QL21A - Cầu Hố - ĐT496B - Cầu Châu Giang - QL38B - Thị trấn Vĩnh Trại - BX Vĩnh Trại	540	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9396	2799.1912.A	Điện Biên	Bắc Ninh	Nà Hỳ	Quế Võ	BX Nà Hỳ - ĐT145B - Phìn Hồ - QL4H - Mường Chà - QL12 - Điện Biên Phủ - QL279 - Tuần Giáo - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - QL21A - QL2C - ĐT303 - QL2A - QL23 - QL3 - Đường Hà Huy Tập - Đường Trần Phú - ĐT179 - QL1A - Cầu Đại Phúc - QL18 - BX Quế Võ	680	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9397	5085.1211.A	TP. Hồ Chí Minh	Ninh Thuận	Miền Tây	Ninh Thuận	BX Ninh Thuận - QL1 - Đường Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	346	60	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9398	5085.1212.A	TP. Hồ Chí Minh	Ninh Thuận	Miền Tây	Ninh Sơn	BX Ninh Sơn - QL27 - QL1 - Đường Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	379	120	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9399	4966.1123.A	Lâm Đồng	Đồng Thấp	Liên tỉnh Đà Lạt	Huyện Lai Vung	BX huyện Lai Vung - QL80 - QL1A - ĐT875 - ĐT864 - ĐT870 - Cao tốc (Trung Lương - TP HCM) - QL1A - QL20 - BX Liên tỉnh Đà Lạt	465	93	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9400	1626.2555.A	Hải Phòng	Sơn La	Vĩnh Niệm	Sốp Cộp	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Đường Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - QL37 - Km34+400 - QL4G - BX Sốp Cộp	500	30	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9401	2225.1111.A	Tuyên Quang	Lai Châu	TP Tuyên Quang	Lai Châu	BX TP. Tuyên Quang - QL2 - Bắc Quang - QL279 - Bảo Yên - QL70 - QL4D - BX Lai Châu	330	60	Tuyến mới	9980/BGTVT-VT ngày 28/09/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9402	2535.1112.A	Lai Châu	Ninh Bình	Lai Châu	Kim Sơn	BX Lai Châu - QL4D - Cao tốc Nội Bài, Lào Cai - QL32C (Sai Nga - Cẩm Khê) - QL32 -	550	30	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Sơn Tây - Xuân Mai - QL6 - QL21B - Đường Hồ Chí Minh - Đường 477 - QL1 - Đường 491 - QL12B - BX Kim Sơn				02/11/2022 của Bộ GTVT	
9403	2499.1712.A	Lào Cai	Bắc Ninh	Mường Khương	Quế Võ	BX Quế Võ - QL18 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - Đường Hoàng Liên - Đường Nhạc Sơn - Cầu Cốc Lều - Đường Nguyễn Huệ - QL70 - QL4D - QL4 - BX Mường Khương	350	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9403	2499.1712.B	Lào Cai	Bắc Ninh	Mường Khương	Quế Võ	BX Quế Võ - QL18 - Ngã 3 Kim Anh - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC18 - Đường Bình Minh - Đại Lộ Trần Hưng Đạo - Cầu Phố Mới - Đường Nguyễn Huệ - QL70 - QL4D - QL4 - BX Mường Khương	355	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9404	2499.2111.A	Lào Cai	Bắc Ninh	Si Ma Cai	Bắc Ninh	BX Bắc Ninh - Đường Nguyễn Trãi - QL1 - QL18 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao Phổ Lu - ĐT152 - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - QL4 - BX Si Ma Cai	327	30	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9406	1434.1220.A	Quảng Ninh	Hải Dương	Móng Cái	Kinh Môn	BX Móng Cái - QL18 - QL17B - Cầu Đá Vách - ĐT389A - BX Kinh Môn	220	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9407	1477.1311.A	Quảng Ninh	Bình Định	Cái Răng	Quy Nhơn	BX Cái Răng - QL18 - Ưông Bí - QL10 - QL1 - BX Quy Nhơn	1250	120	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9407	1477.1311.B	Quảng Ninh	Bình Định	Cái Răng	Quy Nhơn	BX Cái Răng - Cao tốc (Hạ Long, Vân Đồn) - Cao tốc (Hạ Long, Hải Phòng) - Cao tốc (Hải Phòng, Hà Nội) - QL1 - Cầu Thanh Trì - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1 - BX Quy Nhơn	1320	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9409	1477.1211.A	Quảng Ninh	Bình Định	Móng Cái	Quy Nhơn	BX Móng Cái - Cao tốc (Vân Đồn, Móng Cái) - Cao tốc (Hạ Long, Vân Đồn) - Cao tốc (Hạ Long, Hải Phòng) - Cao tốc (Hải Phòng, Hà Nội) - QL1 - Cầu Thanh Trì - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1 - BX Quy Nhơn	1370	120	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9410	1479.1312.A	Quảng Ninh	Khánh Hòa	Cái Răng	Phía Bắc Nha Trang	BX Cái Răng - QL18 - Ưông Bí - QL10 - QL1 - BX Phía Bắc Nha Trang	1420	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9411	1490.1121.A	Quảng Ninh	Hà Nam	Ưông Bí	Trung tâm Hà Nam	BX Ưông Bí - QL18 - QL10 - ĐT468 - Cầu Thái Hà - Đường nối cao tốc (Hà Nội - Ninh	120	90	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Bình và Hà Nội - Hải Phòng) - QL21B - Nút giao Liêm Tuyền - BX Trung tâm Hà Nam				02/11/2022 của Bộ GTVT	
9412	2097.1616.A	Thái Nguyên	Bắc Kạn	Trung tâm TP Thái Nguyên	Ngân Sơn	BX Ngân Sơn - QL3 - Chợ Mới - Đường QL3 mới - Tân Long - Đường tránh TP. Thái Nguyên - Nút giao Tân Lập - Đường 3/2 - BX Trung tâm TP Thái Nguyên	140	240	Tuyến mới	11445/BGTVT- VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9413	1427.1112.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Bãi Cháy	Mường Lay	BX Bãi Cháy - QL18 - Uông Bí - QL10 - Quán Toan - QL5 - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Đại lộ Thăng Long - Đường Hòa Lạc, Hòa Bình - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - TP. Điện Biên Phủ - QL12 - BX Mường Lay	700	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT 301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung lưu lượng tăng 60 chuyến/tháng (từ 30 lên 90 chuyến/tháng)
9414	1627.1614.A	Hải Phòng	Điện Biên	Phía Bắc Hải Phòng	Bản Phủ	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hòa Bình - Đường Hòa Lạc, Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL18 - QL17 - QL38 - QL5 - Quán Toan - QL 10 - BX Phía Bắc Hải Phòng	635	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9415	1627.1814.A	Hải Phòng	Điện Biên	Kiến Thụy	Bản Phủ	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Đường Hòa Lạc, Hòa Bình - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - QL1A - Cầu Thanh Trì - QL18 - QL37 - Cầu Hàn - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - ĐT351 - Cầu Kiến An - Ngã 5 Kiến An - ĐT355 - ĐT353 - BX Kiến Thụy	630	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9416	2127.1114.A	Yên Bái	Điện Biên	Yên Bái	Bản Phủ	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hòa Bình - ĐT317 - Cầu Đồng Quang - ĐT87A - QL32 - QL2C - ĐT304 - ĐT303 - ĐT302 - Đường Tôn Đức Thắng - Đường Nguyễn Tất Thành - QL2C - QL2 - QL32C - Đường Âu Cơ - QL37 - BX Yên Bái	630	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9417	1626.1730.A	Hải Phòng	Sơn La	Đồ Sơn	Quỳnh Nhai	BX Đồ Sơn - Đường Lý Thánh Tông - ĐT353 - ĐT355 - Ngã 5 Kiến An - đường Phan Đăng Lưu - Cầu Kiến An - ĐT351 - đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - QL1 - QL18 - QL2A - QL2C - Cầu Vĩnh Thịnh - QL21A - Ngã tư Hòa Lạc - Cao tốc Hòa Lạc	560	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Hòa Bình - TP Hòa Bình - QL6 - QL6B - BX Quỳnh Nhai					
9418	1626.2530.A	Hải Phòng	Sơn La	Vĩnh Niệm	Quỳnh Nhai	BX Vĩnh Niệm - đường Bùi Viện - đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Thanh Trì - Vành đai 3 trên cao (Đoạn cầu Thanh Trì - nút giao Big C) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - Mộc Châu - QL6 (Chiềng Pắc) - QL6B - BX Quỳnh Nhai	520	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9419	1627.1713.A	Hải Phòng	Điện Biên	Đồ Sơn	Tuần Giáo	BX Đồ Sơn - Đường Lý Thánh Tông - ĐT353 - ĐT355 - Ngã 5 Kiển An - đường Phan Đăng Lưu - Cầu Kiển An - ĐT351 - đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Thanh Trì - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh Trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - BX Tuần Giáo	580	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9420	6183.1901.A	Bình Dương	Sóc Trăng	Bến Cát	Sóc Trăng	BX Sóc Trăng - Đường Phú Lợi - QL1 - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1 - Ngã tư Bình Phước - QL13 - BX Bến Cát	260	720	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9421	2498.1411.A	Lào Cai	Bắc Giang	Bắc Hà	Bắc Giang	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL18 - QL1A - QL17 - ĐT295B - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	330	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT 1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVT XD Lào Cai	Bổ sung tuyến mới, điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
9422	2224.1512.A	Tuyên Quang	Lào Cai	Huyện Hàm Yên	Trung tâm Lào Cai	BX Trung tâm Lào Cai - đường Bình Minh - Nút giao IC18 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC12 - đường Âu Cơ - đườn Nguyễn Văn Cừ - đường Đinh Tiên Hoàng - QL70 - QL37 - QL2 - BX huyện Hàm Yên	242	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9423	2324.1213.A	Hà Giang	Lào Cai	Xín Mần	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - đường Hàm Nghi - đường Hoàng Liên - đường Nhạc Sơn - Cầu Cốc Lều - đường Nguyễn Huệ - QL70 - ĐT153 - QL4 - BX Xín Mần	137	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9424	2122.1311.A	Yên Bái	Tuyên Quang	Nghĩa Lộ	TP Tuyên Quang	BX Nghĩa Lộ - QL32 - QL37 - QL70 - QL2 - BX TP Tuyên Quang	135	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										12/12/2022 của Bộ GTVT	
9425	2949.1715.A	Hà Nội	Lâm Đồng	Sơn Tây	Cát Tiên	BX huyện Cát Tiên - ĐT721 - QL20 - đường 3/4 - Đường Trần Hưng Đạo - đường Hùng Vương - QL20 - đường Huỳnh Tấn Phát - QL27C - Khánh Lê - QL1A - QL46A - QL15 - Đường Hồ Chí Minh - Ngã ba Xuân Mai - QL21 - BX Sơn Tây	1700	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9426	4749.1213.A	Đắk Lắk	Lâm Đồng	TP. Buôn Ma Thuột	Huyện Di Linh	BX TP Buôn Ma Thuột - Đường Ngô Gia Tự - Đường Ngô Quyền - Đường Nguyễn Biểu - Đường Nguyễn Hữu Thọ - Đường Nguyễn Chí Thanh - Đường Nguyễn Văn Cừ - QL27 - ĐT725 - QL28 - QL20 - BX Di Linh	237	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9427	4749.1413.A	Đắk Lắk	Lâm Đồng	Ea Kar	Huyện Di Linh	BX Ea Kar - QL26 - QL27 - QL20 - BX huyện Di Linh	238	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9428	4749.2013.A	Đắk Lắk	Lâm Đồng	Krông Năng	Huyện Di Linh	BX Krông Năng - QL29 - Đường nối QL29 và QL26 - QL26 - QL27 - QL20 - BX huyện Di Linh	251	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9429	4749.2213.A	Đắk Lắk	Lâm Đồng	Krông Bông	Huyện Di Linh	BX Krông Bông - TL12 - QL27 - QL20 - BX huyện Di Linh	187	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9430	4849.2013.A	Đắk Nông	Lâm Đồng	Đại Lợi - Đắk Mil	Huyện Di Linh	BX huyện Di Linh- QL20 - QL27- TL725 - QL28 - Đường 23/3 - Đường Hồ Chí Minh - BX Đại Lợi Đắk Mil	173	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9431	4962.1104.A	Lâm Đồng	Long An	Liên tỉnh Đà Lạt	Vĩnh Hưng	BX Liên tỉnh Đà Lạt - QL20 - QL1A - Đường tránh thành phố Tân An - QL62 - QL2 - QL62 - ĐT831 - BX Vĩnh Hưng	460	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9432	4976.1311.A	Lâm Đồng	Quảng Ngãi	Huyện Di Linh	Quảng Ngãi	BX huyện Di Linh - QL20 - QL27 - QL1 - BX Quảng Ngãi	581	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9433	4976.1314.A	Lâm Đồng	Quảng Ngãi	Huyện Di Linh	Chín Nghĩa	BX huyện Di Linh - QL20 - QL27C - QL1A - Trần Thủ Độ - BX Chín Nghĩa	582	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9434	4982.1311.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Huyện Di Linh	Kon Tum	BX huyện Di Linh - QL20 - QL28 - ĐT725 - QL27 - QL26 - đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum	427	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9435	4982.1312.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Huyện Di Linh	Đắk Hà	BX huyện Di Linh - QL20 - QL28 - ĐT725 - QL27 - QL26 - đường Hồ Chí Minh - đường Hùng Vương - BX huyện Đắk Hà	450	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9436	4982.1313.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Huyện Di Linh	Ngọc Hồi	BX huyện Di Linh - QL20 - QL28 - ĐT725 - QL27 - QL26 - đường Hồ Chí Minh - Đường Hoàng Văn Thụ - BX Ngọc Hồi	487	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9437	4982.1315.A	Lâm Đồng	Kon Tum	Huyện Di Linh	Kon Plông	BX huyện Di Linh - QL20 - QL28 - ĐT725 - QL27 - QL26 - Đường Hồ Chí Minh - QL24 - BX Kon Plông	486	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9438	4969.1311.A	Lâm Đồng	Cà Mau	Huyện Di Linh	Cà Mau	BX huyện Di Linh - QL20 - QL1A - BX Cà Mau	616	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9439	4974.1311.A	Lâm Đồng	Quảng Trị	Huyện Di Linh	Đông Hà	BX huyện Di Linh - QL20 - đường 3/4 - đường Trần Hưng Đạo - đường Hùng Vương - QL20 - đường Huỳnh Tấn Phát - QL27C - Khánh Lê - QL1A - BX Đông Hà	885	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9440	4975.1312.A	Lâm Đồng	Thừa Thiên Huế	Huyện Di Linh	Phía Nam TP Huế	BX huyện Di Linh - QL20 - QL27C - Khánh Lê - QL1A - Cao tốc Đà Nẵng Quảng Ngãi - Đường dẫn hầm Hải Vân - QL1A - BX Phía Nam TP Huế	809	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9441	4966.1311.A	Lâm Đồng	Đồng Tháp	Huyện Di Linh	Cao Lãnh	BX Cao Lãnh - QL30 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT865 - ĐT866 - QL62 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1A - QL20 - BX huyện Di Linh	361	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9442	4981.1314.A	Lâm Đồng	Gia Lai	Huyện Di Linh	Ayun Pa	BX Ayun Pa - QL25 - ĐT668 - ĐT687B - Đường Hồ Chí Minh - QL26 - QL27 -QL20 - BX huyện Di Linh	325	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9443	4961.1312.A	Lâm Đồng	Bình Dương	Huyện Di Linh	Lam Hồng	BX huyện Di Linh - QL20 - QL1A - BX Lam Hồng	204	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9444	4977.1311.A	Lâm Đồng	Bình Định	Huyện Di Linh	Quy Nhơn	BX huyện Di Linh - QL20 - QL27C - ĐT723 - QL1A - QL1D - BX Quy Nhơn	409	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9445	1223.2011.A	Lạng Sơn	Hà Giang	Hữu Lũng	Phía Nam Hà Giang	BX Phía Nam Hà Giang - QL2 - QL37 - Cao tốc Hà Nội Thái Nguyên - QL18 - QL1A - BX Hữu Lũng	354	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9446	2123.1213.A	Yên Bái	Hà Giang	Lục Yên	Mèo Vạc	BX Mèo Vạc - Yên Minh - Quán Bạ - Quyết Tiến - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - QL2 (Đường Nguyễn Trãi) - Vĩnh Tuy - Đồng Yên - BX Lục Yên	280	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9447	2398.1311.A	Hà Giang	Bắc Giang	Mèo Vạc	Bắc Giang	BX Huyện Mèo Vạc - TL176 - Yên Minh - Quán Bạ - QL4C - Quyết Tiến - QL4C - Đường Nguyễn Văn Linh - QL2 - Đường Nguyễn Trãi - Thành phố Hà Giang - QL2 - QL37 - Cầu Nông Tiến - Sơn Nam - Sơn Dương - QL18 - QL1A - Cao tốc Hà Nội Lạng Sơn - QL17 - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	550	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9448	2398.1611.A	Hà Giang	Bắc Giang	Đồng Văn	Bắc Giang	BX Huyện Đồng Văn - QL4C - Yên Minh - Quán Bạ - Quyết Tiến - QL4C - Đường Nguyễn Văn Linh - QL2 - Thành phố Hà Giang - Đường Nguyễn Trãi - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đồng Trù - QL5 - Sao Đỏ - Phả Lại - Quế Võ - QL1A (Cao tốc Hà Nội Lạng Sơn) - QL17 - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	670	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9449	1620.2517.B	Hải Phòng	Thái Nguyên	Vĩnh Niệm	Định Hóa	BX Định Hóa - QL3C - QL3 - Đường tròn Tân Long - Cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - Nút giao Ninh Hiệp - QL1A - QL5 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	210	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Bổ sung hành trình B
	1620.2517.A	Hải Phòng	Thái Nguyên	Vĩnh Niệm	Định Hóa	BX Định Hóa - QL3C - QL3 - Đường tròn Tân Long - Cao tốc (Hà Nội Thái Nguyên) - QL18 - QL1A - Nút giao Bồ Sơn - QL38 - Nút giao Quán Gôi - QL5 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	215	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9450	1420.1414.A	Quảng Ninh	Thái Nguyên	Trung tâm Cầm Phá	Phổ Yên	BX Phổ Yên - QL3 - Nút giao Yên Bình - Đường Trần Nguyên Hãn - Đường 47m - ĐT261 - QL37 - Phú Bình - Hiệp Hòa - Bắc	210	30	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Ninh - QL18 - Sao Đỏ - Đông Triều - Uông Bí - BX Trung tâm Cẩm Phả				12/12/2022 của Bộ GTVT	
9451	1636.2317.B	Hải Phòng	Thanh Hóa	Thượng Lý	Quan Sơn	BX Quan Sơn - QL15 - Ngọc Lặc - Đường Hồ Chí Minh - Thị trấn Chi Nê - Phú Lý - Đồng Văn - Cầu Yên Lệnh - QL39 - TL379 - TL179 - QL5 - QL17B - QL10 - Ngã tư Quán Toan - Đường Hùng Vương - BX Thượng Lý	320	30	Tuyển đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung hành trình B
	1636.2317.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Thượng Lý	Quan Sơn	BX Quan Sơn - QL217 - QL15 - Ngọc Lặc - Đường HCM - TT Chi Nê - Phú Lý - Nút giao Liên Tuyền - Đại lộ Thiên Trường - QL10 - Ngã Tư Quán Toan - Đường Hùng Vương - BX Thượng Lý	320	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9452	1636.2323.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Thượng Lý	Quan Hóa	BX Quan Hóa - QL15 - Ngọc Lặc - Đường HCM - TT Chi Nê - Phú Lý - Đồng Văn - Cầu Yên Lệnh - QL39 - TL379 - TL179 - QL5 - QL17B - QL10 - Ngã Tư Quán Toan - Đường Hùng Vương - BX Thượng Lý	320	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9453	2636.1114.A	Sơn La	Thanh Hoá	TP Sơn La	Thị trấn Ngọc Lặc	BX Thị trấn Ngọc Lặc - QL15 - Đường Hồ Chí Minh - Cẩm Thủy - QL217 - Quan Hóa - QL15 - Co Lương - Mai Châu - QL15 - Ngã ba Tòng Đầu - Mộc Châu - QL6 - BX TP Sơn La	305	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9454	3643.0511.A	Thanh Hoá	Đà Nẵng	Phía Bắc TP Thanh Hóa	Trung tâm Đà Nẵng	BX Phía Bắc TP Thanh Hóa - Đường Nguyễn Chí Thanh - Cầu vượt Đường Nguyễn Chí Thanh - Ngã 4 BigC - Đường BOT - QL1 - Hầm đèo Hải Vân - Tạ Quang Bửu - Nguyễn Văn Cừ - Tôn Đức Thắng - BX trung tâm Đà Nẵng	620	60	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9455	3643.2311.A	Thanh Hoá	Đà Nẵng	Quan Hóa	Trung tâm Đà Nẵng	BX Quan Hóa - QL15 - Đường Hồ Chí Minh - QL45 - Nút giao QL45 với đường vành đai phía Tây - Ngã 4 đường vành đai phía Tây với QL1 - QL1 - Hầm đèo Hải Vân - Tạ Quang Bửu - Nguyễn Văn Cừ - Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	720	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9456	3649.1912.A	Thanh Hoá	Lâm Đồng	Thạch Quảng	Đức Long Bảo Lộc	BX Thạch Quảng - Đường Hồ Chí Minh - QL48 - QL1 - QL27C - QL20 - BX Đức Long Bảo Lộc	1420	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9457	3649.1412.A	Thanh Hoá	Lâm Đồng	Thị trấn Ngọc Lặc	Đức Long Bảo Lộc	BX Thị trấn Ngọc Lặc - Đường Hồ Chí Minh - QL48 - QL1 - QL27C - QL20 - BX Đức Long Bảo Lộc	1420	30	Tuyển mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9458	1424.1314.A	Quảng Ninh	Lào Cai	Cái Rồng	Bắc Hà	BX Cái Rồng - QL18 - Ưông Bí - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Ngã 3 Kim Anh - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	490	90	Tuyến đang khai thác	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT 1681/SGVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Bổ sung tuyến mới, điều chỉnh hành trình và cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
9459	1425.1312.A	Quảng Ninh	Lai Châu	Cái Rồng	Than Uyên	BX Cái Rồng - QL18 - Ưông Bí - QL10 - QL37 - QL5 - Cầu Đông Trù - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC 12 - QL32 - BX Than Uyên	560	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
	1425.1312.B	Quảng Ninh	Lai Châu	Cái Rồng	Than Uyên	BX Cái Rồng - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Võ Nguyên Giáp - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - Nút giao IC 16 - QL279 - BX Than Uyên	520	90	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9460	1427.1614.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Mông Dương	Bản Phủ	BX Mông Dương - QL18 - Ưông Bí - QL10 - QL5 - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - BX Bản Phủ	670	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9461	1427.1214.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Móng Cái	Bản Phủ	BX Móng Cái - Cao tốc Vân Đồn Móng Cái - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (đoạn Cầu Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - BX Bản Phủ	780	60	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9462	1438.1614.A	Quảng Ninh	Hà Tĩnh	Mông Dương	Hương Khê	BX Mông Dương - QL18 - Ưông Bí - QL10 - QL1A - Đoạn tránh TP Hà Tĩnh - QL15 - BX Hương Khê	530	120	Tuyến mới	13270/BGTVT- VT ngày 12/12/2022 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9463	7492.1411.A	Quảng Trị	Quảng Nam	Hồ Xá	Tam Kỳ	BX Tam Kỳ - QL1 - BX Hồ Xá	270	200	Tuyến mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9464	6670.1914.A	Đồng Tháp	Tây Ninh	Huyện Hồng Ngự	Tân Biên	BX Huyện Hồng Ngự - ĐT841 - QL30 - QL1A - Cao tốc (Trung Lương - TP HCM) - QL1A - QL22 - QL22B - Đường 30/4 - Đường Trưng	356	31	Tuyến mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Nữ Vương - Đường Trương Quyền - Đường Tua 2 - QL22B - BX Tân Biên					
9465	6769.2814.A	An Giang	Cà Mau	Khánh Bình	Năm Căn	BX Năm Căn - QL1A - QL91B - QL91 - QL91C - BX Khánh Bình	385	120	Tuyển mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9466	6972.1420.A	Cà Mau	Bà Rịa - Vũng Tàu	Năm Căn	Xuyên Mộc	BX Năm Căn - QL1A - Đ. Nguyễn Tất Thành - Đ. Hùng Vương - Đ. Lý Thường Kiệt - Đ. 3/2 - Đ. Trần Hưng Đạo - Quản lộ Phụng Hiệp - QL1A - Cao tốc (Trung lương - TP.HCM) - QL1A - QL51 - Đ. Trường Chinh - TL44A - Đ. Võ Thị Sáu - QL55 - BX Xuyên Mộc	515	60	Tuyển đang khai thác	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9467	1727.1714.A	Thái Bình	Điện Biên	Quỳnh Côi	Bản Phủ	BX Bản Phủ - QL279 - Tuần Giáo - QL6 - Sơn La - Hòa Bình - Đường Hòa Lạc, Hòa Bình- Đại lộ Thăng Long - Nút giao Big C - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - Cầu Thanh Trì - QL1A - QL5 - Phổ Nối - QL39A - TP Hưng Yên - TT Hưng Hà - TT Đông Hưng - Ngã tư Đọi - ĐT217 - BX Quỳnh Côi	585	30	Tuyển mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9468	6772.2020.A	An Giang	Bà Rịa - Vũng Tàu	Núi Sập	Xuyên Mộc	BX Núi Sập - TL.943 - Phà An Hoà - TL942 - QL80 - Sa Đéc - Mỹ Thuận - QL1A - Cao tốc Trung Lương đi TPHCM - QL1A - Ngã ba Vũng Tàu - QL51 - Đường Cách mạng tháng 8 (Thành phố Bà Rịa) - QL55 - BX Xuyên Mộc	300	30	Tuyển mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9469	6784.1513.A	An Giang	Trà Vinh	Chợ Mới	Duyên Hải	BX Chợ Mới - ĐT942 - QL80 - QL1A - Cầu Cao Lãnh - Sa Đéc - Vĩnh Long - QL53 - BX Duyên Hải	190	60	Tuyển mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9470	6167.1111.A	Bình Dương	An Giang	Bình Dương	Long Xuyên	BX Long Xuyên - Đ. Phạm Cự Lượng - Đ. Trần Hưng Đạo - QL91 - QL80 - Cầu Vàm công - Cầu Cao Lãnh - QL30 - QLN2 (Đường HCM) - ĐT846 - ĐT865 - ĐT868 - QL1A - Cao tốc Trung Lương TP HCM - QL1A - QL13 - Đường 30/4 - BX Bình Dương	205	31	Tuyển mới	301/BGTVT-VT ngày 11/01/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9471	6985.1411.A	Cà Mau	Ninh Thuận	Năm Căn	Ninh Thuận	BX Ninh Thuận - QL1A - Cao Tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - BX Năm Căn	740	120	Tuyển mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới
9472	7085.1112.A	Tây Ninh	Ninh Thuận	Tây Ninh	Ninh Sơn	BX Trung Tâm Huyện Ninh Sơn - QL27 - QL1A - QL22A - QL22B - Đường 30/4 - Trung Nữ Vương - BX Tây Ninh	500	60	Tuyển mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyển mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9473	7185.1412.A	Bến Tre	Ninh Thuận	Bình Đại	Ninh Sơn	BX Huyện Ninh Sơn - QL27 - QL1A - QL60 - QL57B - BX Huyện Bình Đại	600	120	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9474	7285.1212.A	Bà Rịa - Vũng Tàu	Ninh Thuận	Vũng Tàu	Ninh Sơn	BX Trung Tâm huyện Ninh Sơn - QL27 - QL1A - Đất Đỏ - Hàm Tân 46 - Long Điền - Bà Rịa - QL51 - Đường 3/2 - Lê Hồng Phong - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - BX Bà Rịa	380	120	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9475	8185.1112.A	Gia Lai	Ninh Thuận	Đức Long Gia Lai	Ninh Sơn	BX Trung Tâm Huyện Ninh Sơn - QL27 - QL1 - Nguyễn Xiển - QL26 - QL14 - BX Đức Long Gia Lai	480	120	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9476	5082.1612.A	TP. Hồ Chí Minh	Kon Tum	Ngã Tư Ga	Đắk Hà	BX Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - BX Ngã Tư Ga	590	90	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9477	6582.1613.A	Cần Thơ	Kon Tum	Trung tâm TP Cần Thơ	Ngọc Hồi	BX huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1A - Cao tốc Trung Lương, Mỹ Thuận - QL1A (Long An - Tiền Giang - Mỹ Thuận - Vĩnh Long - Cần Thơ) - BX Trung tâm TP Cần Thơ	800	90	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9478	7182.1713.A	Bến Tre	Kon Tum	Chợ Lách	Ngọc Hồi	BX huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh -Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - QL57 - BX Chợ Lách	718	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9479	7182.1712.A	Bến Tre	Kon Tum	Chợ Lách	Đắk Hà	BX huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh -Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - QL57 - BX Chợ Lách	688	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9480	7182.1711.A	Bến Tre	Kon Tum	Chợ Lách	Kon Tum	BX Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh -Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - QL57 - BX Chợ Lách	658	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9481	7182.1715.A	Bến Tre	Kon Tum	Chợ Lách	Kon Plông	BX huyện Kon Plông - QL24 - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - QL57 - BX Chợ Lách	718	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9482	7182.1113.A	Bến Tre	Kon Tum	Bến Tre	Ngọc Hồi	BX huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - BX Bến Tre	695	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9483	7182.1112.A	Bến Tre	Kon Tum	Bến Tre	Đắk Hà	BX huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí	665	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - BX Bến Tre					
9484	7182.1111.A	Bến Tre	Kon Tum	Bến Tre	Kon Tum	BX Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - BX Bến Tre	635	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9485	7182.1115.A	Bến Tre	Kon Tum	Bến Tre	Kon Plông	BX huyện Kon Plông - QL24 - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1 - QL60 - BX Bến Tre	695	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9486	8283.1301.A	Kon Tum	Sóc Trăng	Ngọc Hồi	Sóc Trăng	BX huyện Ngọc Hồi - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận) - QL1 - Đường Lê Duẩn - BX Sóc Trăng	830	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9487	8283.1201.A	Kon Tum	Sóc Trăng	Đắk Hà	Sóc Trăng	BX huyện Đắk Hà - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận) - QL1 - Đường Lê Duẩn - BX Sóc Trăng	800	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9488	8283.1101.A	Kon Tum	Sóc Trăng	Kon Tum	Sóc Trăng	BX Kon Tum - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận) - QL1 - đường Lê Duẩn - BX Sóc Trăng	770	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9489	8283.1501.A	Kon Tum	Sóc Trăng	Kon Plông	Sóc Trăng	BX Kon Plông - QL24 - đường Hồ Chí Minh - TL741 - QL13 - QL1 - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương - Mỹ Thuận) - QL1 - Đường Lê Duẩn - BX Sóc Trăng	830	60	Tuyến mới	2398/BGTVT-VT ngày 13/03/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9490	2936.1611.A	Thanh Hóa	Hà Nội	Nông Cống	Yên Nghĩa	BX Nông Cống - QL45 - Ngã 4 QL45 với đường vành đai phía Tây - Ngã 4 đường vành đai phía Tây với QL1 - Đường BOT - Cầu Nguyệt Viên - QL1 - Cao tốc Pháp Vân, Cầu Giẽ - Phú Lý - QL21 - Xuân Mai - QL6 - BX Yên Nghĩa	190	60	Tuyến mới	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng từ Bến xe Phía Nam TP Thanh Hoá (tổng số chuyến xe tại đầu BX Yên Nghĩa không thay đổi)
9491	2789.1422.A	Điện Biên	Hưng Yên	Bản Phủ	Mỹ Hào	BX Mỹ Hào - QL5 - Cầu vượt Nhị Châu - QL38B - Chợ Gạo - QL39 - Phố Nối - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - QL279 - BX Bản Phủ	600	30	Tuyến mới	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9492	2690.1112.A	Sơn La	Hà Nam	TP Sơn La	Vĩnh Trự	BX Vĩnh Trự - ĐT491- Cầu Câu Từ - Đập Phúc - Hòa Mạc - QL38 - Đồng Văn - QL21B - Dốc Bồ - ĐT74 - Chùa Hương - ĐT419 - Tề Tiêu - Ba Thá - ĐT76 - QL21A - Đường Mòn HCM - TT Xuân Mai - QL6 - Hòa Bình - BX TP Sơn La	350	90	Tuyến mới	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9493	2890.5112.A	Hòa Bình	Hà Nam	Đà Bắc	Vĩnh Trự	BX Vĩnh Trự - TT Vĩnh Trự - ĐT491 - QL37B - Cầu Câu Từ - QL37B - Đập Phúc - Hòa Mạc - QL38 - Đồng Văn - Chợ Dầu - QL21B - ĐT76 - Đường mòn Hồ Chí Minh - QL6 - TP Hòa Bình - ĐT433 - BX Đà Bắc	130	90	Tuyến mới	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9494	1726.2011.A	Thái Bình	Sơn La	Huyện Hưng Hà	Sơn La	BX TP Sơn La - QL6 - Mộc Châu - Mãn Đức - QL12B - ĐT477 - QL1A - QL10 - Đồng Hưng - QL39A - BX Hưng Hà	365	30	Tuyến mới	4437/BGTVT-VT ngày 28/04/2023 của Bộ GTVT	Bổ sung tuyến mới
9495	1112.2116.A	Cao Bằng	Lạng Sơn	Bảo Lâm	Phía Bắc Lạng Sơn	BX huyện Bảo Lâm - QL34 - QL3 (hướng đi trung tâm hội nghị tỉnh) - Ngã tư Ngọc Xuân - rẽ đi đường Pác Bó - Ngã tư Sông Bằng - Đường 3.10 (QL34B) - Đi theo hướng QL34B hướng đi Lạng Sơn - QL4A - BX Phía Bắc Lạng Sơn	310	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9496	1199.1612.A	Cao Bằng	Bắc Ninh	Trùng Khánh	Quế Võ	BX huyện Trùng Khánh - TL206 - Thị trấn Quảng Uyên (huyện Quảng Hòa) - QL3 - Cửa hàng xăng dầu số 8 Phục Hòa (huyện Quảng Hòa) - TL208 - QL4A - Thị trấn Đông Khê - QL4A - TT. Đồng Đăng - QL1A - Cầu Đa Phúc - QL18 - BX Quế Võ	300	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9497	1229.1113.A	Lạng Sơn	Mỹ Đình	Phía Nam Lạng Sơn	Mỹ Đình	BX Phía Nam Lạng Sơn - QL1A - QL18 - Đường Bắc Thăng Long Nội Bài - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	160	270	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9498	1297.1615.A	Lạng Sơn	Bắc Kạn	Phía Bắc Lạng Sơn	Pắc Nặm	BX Phía Bắc Lạng Sơn - QL1A - QL4A - QL3B - QL3 - TP. Bắc Kạn - ĐT258 - Ba Bể - QL279 - ĐT258 - BX Pắc Nặm	285	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
	1297.1615.B	Lạng Sơn	Bắc Kạn	Phía Bắc Lạng Sơn	Pắc Nặm	BX Phía Bắc Lạng Sơn - QL1A - QL4A - QL3B - QL3 - TP. Bắc Kạn - Nà Pắc - QL279 - Ba Bể - ĐT258 - BX Pắc Nặm	290	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9499	1417.2717.A	Quảng Ninh	Thái Bình	Cầm Hải	Quỳnh Côi	BX Cầm Hải - QL18 - QL10 - BX Quỳnh Côi	190	120	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										09/05/2023 của Cục ĐBVN	
	1417.2717.B	Quảng Ninh	Thái Bình	Cẩm Hải	Quỳnh Côi	BX Cẩm Hải - QL18 - QL10 - ĐT217 - BX Quỳnh Côi	190	120	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9500	1427.1312.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Cái Rồng	Mường Lay	BX Cái Rồng - QL18 - Uông Bí - QL10 - Quán Toan - QL5 - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh Trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - Sơn La - Tuần Giáo - QL6 - QL279 - TP Điện Biên Phủ - QL12 - BX Mường Lay	750	90	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9501	1427.1313.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Cái Rồng	Tuần Giáo	BX Cái Rồng - QL18 - Uông Bí - QL10 - Quán Toan - QL5 - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh Trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - BX Tuần Giáo	650	120	Tuyển mới	2314/SGTVT- QLVT&PT ngày 17/05/2023 của Sở GTVT Quảng Ninh	Bổ sung tuyến mới
9502	1427.2717.A	Quảng Ninh	Điện Biên	Cẩm Hải	Tùa Chùa	BX Cẩm Hải - QL18 - Uông Bí - Sao Đỏ - Bắc Ninh - QL1 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh Trì - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Cao tốc Hòa Lạc Hòa Bình - QL6 - Sơn La - Tuần Giáo - QL6 - Huổi Nóng - ĐT140 - BX Tùa Chùa	700	90	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9503	1428.1306.A	Quảng Ninh	Hòa Bình	Cái Rồng	Lạc Sơn	BX Lạc Sơn - QL12B - ĐT477 - QL1 - QL10 - Uông Bí - QL18 - Đường 334 - BX Cái Rồng	290	90	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9504	1428.1501.A	Quảng Ninh	Hòa Bình	Cửa Ông	Trung tâm Hòa Bình	BX Trung Tâm Hòa Bình - QL6 - Xuân Mai - QL21 - Đại Lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thanh Trì) - QL1 - QL5 - QL17B - Mạo Khê - Uông Bí - QL18 - BX Cửa Ông	285	30	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9505	1436.1223.A	Quảng Ninh	Thanh Hóa	Móng Cái	Quan Hóa	BX Móng Cái - QL18 - Uông Bí - QL10 - QL1 - QL217 - Đường Hồ Chí Minh - QL217 - QL15 - BX Quan Hóa	600	300	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
	1436.1223.B	Quảng Ninh	Thanh Hóa	Móng Cái	Quan Hóa	BX Móng Cái - Cao tốc Vân Đồn Móng Cái - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - QL10	610	180	Tuyển mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						- QL1 - QL217 - Đường Hồ Chí Minh - QL217 - QL15 - BX Quan Hóa					
9506	1436.1325.A	Quảng Ninh	Thanh Hóa	Cái Rồng	Thường Xuân	BX Cái Rồng - QL18 - Uông Bí - QL10 - QL1 - Cầu Nguyệt Viên - Cầu vượt Nguyễn Chí Thanh - Ngã ba Đình Hương - Nút giao QL45, QL47 với đường vành đai phía Tây - QL47 - BX Thường Xuân	360	120	Tuyển mới	2314/SGTVT- QLVT&PT ngày 17/05/2023 của Sở GTVT Quảng Ninh	Bổ sung tuyển mới
9507	1437.1317.A	Quảng Ninh	Nghệ An	Cái Rồng	Dùng	BX Cái Rồng - QL18 - Uông Bí - QL10 - QL1A - Đường tránh TP Vinh - QL46 - BX Dùng	550	120	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyển mới
	1437.1317.B	Quảng Ninh	Nghệ An	Cái Rồng	Dùng	BX Cái Rồng - Cao tốc Hạ Long Vân Đồn - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - QL10 - QL1A - Đường tránh TP Vinh - QL46 - BX Dùng	560	120	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyển mới
9508	1490.1514.A	Quảng Ninh	Hà Nam	Cửa Ông	Quế	BX Cửa Ông - QL18 - Cao tốc Hạ Long Hải Phòng - Cao tốc Hải Phòng Hà Nội - Nút giao Lực Điền - QL39A - Cầu Yên Lệnh - QL38 - Đồng Văn - QL1 - QL21B - BX Quế	240	90	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyển mới
9509	1623.1811.A	Hải Phòng	Hà Giang	Kiến Thụy	Phía Nam Hà Giang	BX Kiến Thụy - ĐT402 - ĐT353 - ĐT355 - ĐT354 - QL37 - QL10 - QL5 - QL2C - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang	420	30	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyển mới
9510	1624.1814.A	Hải Phòng	Lào Cai	Kiến Thụy	Bắc Hà	BX Kiến Thụy - ĐT402 - ĐT353 - ĐT355 - Ngã 5 Kiến An - Cầu Kiến An - ĐT351 - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Hải Dương - Phố Nối Hưng Yên - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Ngã 3 Kim Anh - Cao tốc Hà Nội Lào Cai - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	420	60	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyển mới
9511	1624.2521.A	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Si Ma Cai	BX Si Ma Cai - QL4 - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL18 - QL1A - QL5 - Quán Toan - QL10 - Đường Nguyễn Trường Tộ - Đường Bùi Viện - BX Vĩnh Niệm	435	90	Tuyển đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	
9512	1636.2309.A	Hải Phòng	Thanh Hóa	Thượng Lý	Nga Sơn	BX Thượng Lý - Đường Hùng Vương - Quán Toan - QL10 - Kim Sơn - BX Nga Sơn	160	30	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày	Bổ sung tuyển mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										09/05/2023 của Cục ĐBVN	
9513	1727.1614.A	Thái Bình	Điện Biên	Đông Hưng	Bản Phủ	BX Đông Hưng - QL10 - QL21B - Cao tốc Pháp Vân Cầu giẽ - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Pháp Vân - Nút giao BigC) - Đại lộ Thăng Long - Đường Hoà Lạc - QL21 - Xuân Mai - QL6 - BX Bản Phủ	600	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9514	1928.1505.A	Phú Thọ	Hòa Bình	Ấm Thượng	Tân Lạc	BX Tân Lạc - Cao Phong - QL6 - Xuân Mai - QL21 - Sơn Tây - Cầu Trung Hà - QL32A - Cầu Phong Châu - QL2D - BX Ấm Thượng	185	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9515	2097.1616.A	Thái Nguyên	Bắc Kạn	Trung tâm TP Thái Nguyên	Ngân Sơn	BX Ngân Sơn - QL3 - Chợ Mới - QL3 mới - Tân Long - Đường tránh TP Thái Nguyên - Nút giao Tân Lập - Đường 3/2 - BX Trung tâm TP Thái Nguyên	140	240	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9516	2129.1812.A	Yên Bái	Hà Nội	Mù Căng Chải	Gia Lâm	BX Mù Căng Chải - QL32 - Nghĩa Lộ - Ba Khe - Thu Cúc - Thanh Sơn - Cầu Phong Châu - Vinh Tường - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Cừ - Đường Ngọc Lâm - Đường Ngô Gia Khâm - BX Gia Lâm	330	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng mới
9517	2129.1813.A	Yên Bái	Hà Nội	Mù Căng Chải	Mỹ Đình	BX Mù Căng Chải - QL32 - QL37 - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Cầu vượt Mai Dịch - Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	312	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng mới
9518	2329.1313.A	Hà Giang	Hà Nội	Mèo Vạc	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc Nội Bài Lào Cai (Nút giao C8) - Phù Ninh - Đoan Hùng - QL2 - QL4C - Quán Bạ - Yên Minh - BX Mèo Vạc	450	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng mới
9519	2329.1613.A	Hà Giang	Hà Nội	Đồng Văn	Mỹ Đình	BX Mỹ Đình - Đường Phạm Hùng - Cầu vượt Mai Dịch - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu vượt Mai Dịch - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc Nội Bài Lào Cai (Nút giao C8) - Phù Ninh - Đoan Hùng - QL2 - QL4C - Quán Bạ - Yên Minh - BX Đồng Văn	420	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới và lưu lượng mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9520	2334.1120.A	Hà Giang	Hải Dương	Phía Nam Hà Giang	Kinh Môn	BX Kinh Môn - ĐT389A - QL17B - Cầu An Thái - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC8 - QL2 - BX Phía Nam Hà Giang	400	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9521	2434.1220.A	Lào Cai	Hải Dương	Trung tâm Lào Cai	Kinh Môn	BX Kinh Môn - ĐT389A - QL17B - Cầu An Thái - QL5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC18 - Đường Bình Minh - BX Trung tâm Lào Cai	365	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9522	2498.1511.A	Lào Cai	Bắc Giang	Văn Bàn	Bắc Giang	BX Văn Bàn - QL279 - Nút giao IC16 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Cầu vượt đường 5 - QL1A - QL17 - ĐT295B - Đường Thân Nhân Trung - Đường Xương Giang - BX Bắc Giang	299	90	Tuyến đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9523	2528.1101.A	Lai Châu	Hòa Bình	Lai Châu	Trung tâm Hòa Bình	BX Lai Châu - QL4D - Lào Cai - Văn Quán - QL2C - QL32 - Cầu Diên - Xuân Phương - Lê Trọng Tấn - QL6 - BX Trung tâm Hòa Bình	530	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9524	2548.1316.A	Lai Châu	Đắk Nông	Nậm Nhùn	Quảng Khê	BX Quảng Khê - QL28 - Đường 23/3 - TP Gia Nghĩa - QL14 - TT Thanh Mỹ - QL14B - Cầu vượt Hòa Cẩm - QL1A - Tam Điệp - QL12B - Mãn Đức - QL6 - Tuần Giáo - QL279 - TP Điện Biên Phủ - QL12 - Mường Chà - QL12 - TL127 - BX Nậm Nhùn	1986	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9525	2628.5001.A	Sơn La	Hòa Bình	Sông Mã	Trung tâm Hòa Bình	BX Trung tâm Hòa Bình - QL6 - Mộc Châu - QL6 - QL37 - QL4G - Km34+400 - QL4G - BX Sông Mã	280	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9526	2834.0512.A	Hòa Bình	Hải Dương	Tân Lạc	Hải Tân	BX Tân Lạc - Lạc Sơn - Yên Thủy - Nho Quan - Gián - QL1 - QL38 - Hòa Mạc - TP. Hưng Yên - QL38B - TT. Gia Lộc - BX Hải Tân	210	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9527	2836.0423.A	Hòa Bình	Thanh Hóa	Mai Châu	Quan Hóa	BX Mai Châu - Ngã ba Cọ Lương - QL15A - Phú Lệ - Xóm Éo - Thị trấn Hồi Xuân - BX Quan Hóa	50	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9528	2836.5717.A	Hòa Bình	Thanh Hóa	Yên Thủy	Quan Sơn	BX Yên Thủy - Đường Hồ Chí Minh - Thị trấn Cẩm Thủy - QL217 - BX Quan Sơn	140	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										09/05/2023 của Cục ĐBVN	
9529	2836.5723.A	Hòa Bình	Thanh Hóa	Yên Thủy	Quan Hóa	BX Yên Thủy - Đường Hồ Chí Minh - Thị trấn Cẩm Thủy - QL217 - QL15 - BX Quan Hóa	130	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9530	2889.0116.A	Hòa Bình	Hung Yên	Trung tâm Hòa Bình	La Tiến	BX Trung tâm Hòa Bình - QL6 - Xuân Mai - QL21 - Đại lộ Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thanh trì) - Cầu Thanh Trì - Ecopark - ĐT379 - Văn Giang - QL39 - Chợ Gạo - QL38B - Trần Cao - ĐT376 - BX La Tiến	145	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9531	2899.0613.A	Hòa Bình	Bắc Ninh	Lạc Sơn	Lương Tài	BX Lạc Sơn - Yên Thủy - Nho Quan - Gián - QL1 - Phú Lý - TP Hưng Yên - Phú Thụy - QL17 - ĐT280 - BX Lương Tài	170	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9532	3599.1313.A	Ninh Bình	Bắc Ninh	Nho Quan	Lương Tài	BX Nho Quan - ĐT477 - QL1A - QL5 - QL17 - ĐT280 - BX Lương Tài	165	120	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9533	3599.1613.A	Ninh Bình	Bắc Ninh	Kim Đông	Lương Tài	BX Kim Đông - QL12B kéo dài - QL10 - QL1A - QL17 - ĐT280 - BX Lương Tài	180	120	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9534	3599.2013.A	Ninh Bình	Bắc Ninh	Phía Đông TP Ninh Bình	Lương Tài	BX Phía Đông TP Ninh Bình - QL10 - QL1A - QL17 - ĐT280 - BX Lương Tài	150	120	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9535	3643.1911.A	Thanh Hoá	Đà Nẵng	Thạch Quảng	Trung tâm Đà Nẵng	BX Thạch Quảng - Đường Hồ Chí Minh - ĐT516 (Kim Tân - Thạch Định - Thạch Quảng) - Cầu Kim Tân - QL45 - QL217B - QL1 - Ngã tứ BigC - Đường BOT - QL1 - Hầm đèo Hải Vân - Tà Quang Bửu - Nguyễn Văn Cừ - Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	700	30	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9536	3761.2711.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	Bình Dương	BX Nam Vinh - Rẽ phải theo đường tránh TP Vinh - Cầu Bến Thủy 2 - QL1A - BX Bình Dương	1500	90	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9537	3761.2712.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	Lam Hồng	BX Nam Vinh - Rẽ phải theo đường tránh TP Vinh - Cầu Bến Thủy 2 - QL1A - BX Lam Hồng	1500	90	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										09/05/2023 của Cục ĐBVN	
9538	3761.2719.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	Bến Cát	BX Bến Cát - QL13 - Ngã Tư Bình Phước - QL1A - Cầu Bến Thủy 2 - Rẽ trái theo đường tránh TP Vinh - BX Nam Vinh	1300	45	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9539	3761.2720.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	An Phú	BX Nam Vinh - Rẽ phải theo đường tránh TP Vinh - Cầu Bến Thủy 2 - QL1A - QL14 - QL13 - BX An Phú	1292	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9540	3761.2721.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	Phú Chánh	BX Nam Vinh - Rẽ phải theo đường tránh TP Vinh - Cầu Bến Thủy 2 - QL1A - QL14 - QL13 - Huỳnh Văn Lũy - Đường Trần Quốc Toàn - BX Phú Chánh	1293	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9541	3761.2723.A	Nghệ An	Bình Dương	Nam Vinh	Bàu Bàng	BX Bàu Bàng - QL13 - Ngã tư Bình Phước - QL1A - Cầu Bến Thủy 2 - Rẽ trái theo đường tránh TP Vinh - BX Nam Vinh	1300	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9542	4350.1112.A	Đà Nẵng	TP. Hồ Chí Minh	Trung tâm Đà Nẵng	Miền Tây	BX Trung tâm Đà Nẵng - QL1 - Đường Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	980	150	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9543	4378.1214.A	Đà Nẵng	Phú Yên	Phía Nam Đà Nẵng	Sông Hinh	BX Phía Nam Đà Nẵng - QL1 - ĐT645 - QL29 - BX Sông Hinh	455	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9544	4378.1216.A	Đà Nẵng	Phú Yên	Phía Nam Đà Nẵng	Sơn Hòa	BX Phía Nam Đà Nẵng - QL1 - QL25 - BX Sơn Hòa	430	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9545	4378.1217.A	Đà Nẵng	Phú Yên	Phía Nam Đà Nẵng	Chí Thạnh	BX Phía Nam Đà Nẵng - QL1 - BX Chí Thạnh	360	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9546	4378.1218.A	Đà Nẵng	Phú Yên	Phía Nam Đà Nẵng	Sông Cầu	BX Phía Nam Đà Nẵng - QL1 - BX Chí Thạnh	330	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9547	4378.1219.A	Đà Nẵng	Phú Yên	Phía Nam Đà Nẵng	La Hai	BX Phía Nam Đà Nẵng - QL1 - Ngã ba Chí Thạnh - ĐT641 - BX La Hai	375	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	
9548	4379.1114.A	Đà Nẵng	Khánh Hòa	Trung tâm Đà Nẵng	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1A - Trường Chinh - Nút Giao thông Ngã Ba Huế - Tôn Đức Thắng - BX Trung tâm Đà Nẵng	470	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9549	4750.1314.A	Đắk Lắk	TP. Hồ Chí Minh	Buôn Hồ	An Sương	BX Buôn Hồ - Đường Hồ Chí Minh - Đường tránh phía Tây TP. Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - QL13 - QL1 - QL22 - BX An Sương	415	30	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9550	4750.2016.A	Đắk Lắk	TP. Hồ Chí Minh	Krông Năng	Ngã Tư Ga	BX Krông Năng - QL29 - Đường Hồ Chí Minh - Đường tránh phía Tây TP. Buôn Ma Thuột - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - ĐT743 - QL13 - QL1 - BX Ngã Tư Ga	415	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9551	4850.1512.A	Đắk Nông	TP. Hồ Chí Minh	Cư Jút	Miền Tây	BX Cư Jút - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - QL1 - Đường Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	340	240	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9552	4850.1812.A	Đắk Nông	TP. Hồ Chí Minh	Tuy Đức	Miền Tây	BX Tuy Đức - ĐT681 - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - QL13 - QL1 - Đường Kinh Dương Vương - BX Miền Tây	270	240	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9553	4877.1812.A	Đắk Nông	Bình Định	Tuy Đức	Bồng Sơn	BX Tuy Đức - ĐT681 - Đường Hồ Chí Minh - QL26 - QL1 - BX Bồng Sơn	580	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9554	4877.1818.A	Đắk Nông	Bình Định	Tuy Đức	Hoài Ân	BX Tuy Đức - ĐT681 - Đường Hồ Chí Minh - QL26 - QL29 - QL19C - QL1 - ĐT630 - BX Hoài Ân	580	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9555	4879.2015.A	Đắk Nông	Khánh Hòa	Đại Lợi - Đắk Mil	Vạn Ninh	BX Vạn Ninh - QL1A - QL26 - TP Ban Mê Thuột - Đường Hồ Chí Minh - BX Đại Lợi Đắk Mil	260	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9556	4892.1212.A	Đắk Nông	Quảng Nam	Đắk R'Lấp	Bắc Quảng Nam	BX Đắk R'Lấp - Đường Lê Hữu Trác - Đường Hồ Chí Minh - QL29 - QL19C - QL1A - BX Bắc Quảng Nam	695	120	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9557	4961.1311.A	Lâm Đồng	Bình Dương	Di Linh	Bình Dương	BX huyện Di Linh - QL20 - QL28 - ĐT725 - QL27- QL26 - Đường Hồ Chí Minh - BX Kon Tum	215	150	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	
9558	4961.1411.A	Lâm Đồng	Bình Dương	Đạ Tẻh	Bình Dương	BX Đạ Tẻh - ĐT721 - QL20 - QL1A - QL13 - BX Bình Dương	175	120	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9559	4968.1311.A	Lâm Đồng	Kiên Giang	Di Linh	Kiên Giang	BX huyện Di Linh - QL20 - QL1A - QL80 - QL61 - BX Kiên Giang	447	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9560	4975.1215.A	Lâm Đồng	Thừa Thiên Huế	Đức Long Bảo Lộc	Quảng Điền	BX Đức Long Bảo Lộc - QL20 - Đèo Prenn - Đường 3/4 - Đường Trần Hưng Đạo - Đường Hùng Vương - QL20 - Đường Huỳnh Tấn Phát - QL27C - Khánh Lê - QL1A - BX Quảng Điền	940	120	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9561	4979.1212.A	Lâm Đồng	Khánh Hòa	Đức Long Bảo Lộc	Phía Bắc Nha Trang	BX Phía Bắc Nha Trang - QL1A - TL2 - Đường Khánh Lê - QL27C - Đường Huỳnh Tấn Phát - QL20 - Đường Hùng Vương - Đường Trần Hưng Đạo - Đường 3/4 - QL20 - BX Đức Long Bảo Lộc	190	120	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9562	4979.1311.A	Lâm Đồng	Khánh Hòa	Di Linh	Phía Nam Nha Trang	BX huyện Di Linh - QL20 - QL27C - QL1A - QL1C - BX Phía Nam Nha Trang	202	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9563	4979.1615.A	Lâm Đồng	Khánh Hòa	Lâm Hà	Vạn Ninh	BX Vạn Ninh - QL1 - QL27 - QL20 - BX Lâm Hà	350	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9564	4983.1101.A	Lâm Đồng	Sóc Trăng	Liên tỉnh Đà Lạt	Sóc Trăng	BX Sóc Trăng - Đường Phú Lợi - Đường Võ Văn Kiệt - QL1 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1 - Nguyễn Văn Linh - Võ Chí Công - Cao tốc Bắc Nam Phía Đông - QL20 - Cao tốc Liên Khương - Prenn - BX Liên tỉnh Đà Lạt	510	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9565	4997.1314.A	Lâm Đồng	Bắc Kạn	Đạ Tẻh	Na Rì	BX khách huyện Na Rì - QL3B - QL3 - Cao tốc Hà Nội, Thái Nguyên - QL1A - Cầu Thanh trì, TP Hà Nội - Cao tốc Pháp Vân, Ninh Bình - QL1A - QL14 - ĐT741 - ĐT721 - BX Đạ Tẻh	1800	15	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9566	5076.1211.A	TP. Hồ Chí Minh	Quảng Ngãi	Miền Tây	Quảng Ngãi	BX Miền Tây - Đường Kinh Dương Vương - QL1 - BX Quảng Ngãi	850	150	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9567	5081.1218.A	TP. Hồ Chí Minh	Gia Lai	Miền Tây	Krông Pa	BX Miền Tây - Đường Kinh Dương Vương - QL1 - QL13 - ĐT741 - Đường Hồ Chí Minh - QL25 - BX Krông Pa	620	30	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9568	5083.1203.A	TP. Hồ Chí Minh	Sóc Trăng	Miền Tây	Cù Lao Dung	BX Miền Tây - Đường Kinh Dương Vương - QL1 - Đường dẫn cao tốc - Đường cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - ĐT878 - QL1 - QL60 - Cầu Rạch Miễu - X Cầu Hàm Luông - Đường tránh thị trấn Mỏ Cây - Cầu Cô Chiên - Hương lộ 6 - ĐT911 - QL60 - BX Cù Lao Dung	190	120	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9569	5093.1412.A	TP. Hồ Chí Minh	Bình Phước	An Suông	Phước Long	BX Phước Long - ĐT741 - QL13 - QL1A - QL22 - BX An Suông	165	248	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9570	5093.1414.A	TP. Hồ Chí Minh	Bình Phước	An Suông	Bù Đốp	BX An Suông - QL22 - QL1 - QL13 - BX Bù Đốp	160	240	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9571	5093.1416.A	TP. Hồ Chí Minh	Bình Phước	An Suông	Bình Long	BX An Suông - QL22 - QL1 - QL13 - BX Bình Long	120	240	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9572	6061.2712.A	Đồng Nai	Bình Dương	Phú Túc	Lam Hồng	BX Phú Túc - QL20 - Ngã 4 Dầu Giây - QL1A - Xa Lộ Hà Nội - QL1A - BX Lam Hồng	79	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9573	6071.5413.A	Đồng Nai	Bến Tre	Phú Thạnh	Thạnh Phú	BX Thạnh Phú - QL57 - QL60 - QL50 - Đại Lộ Nguyễn Văn Linh - đường Huỳnh Tấn Phát - đường Nguyễn Tất Thành - đường Hoàng Diệu - đường Võ Văn Kiệt - Hàm Thủ Thêm - Mai Chí Thọ - Xa lộ Hà Nội - QL1A - cầu Đồng Nai - vòng xoay ngã tư Vũng Tàu - QL51 - ngã 3 Nhơn Trạch - Đường 25B - ĐT769 - BX Phú Thạnh	270	60	Tuyến đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến và điều chỉnh hành trình
9574	6079.1314.A	Đồng Nai	Khánh Hòa	Đồng Nai	Ninh Hòa	BX Ninh Hoà - QL1A - Ngã tư Dầu Dây - QL1A - Ngã ba Trị An - QL1A - Công viên 30/4 - Xa lộ Hà Nội - BX Đồng Nai	430	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9575	6079.2115.A	Đồng Nai	Khánh Hòa	Trị An	Vạn Ninh	BX Vạn Ninh - QL1A - Ngã tư Dầu Dây - QL1A - Ngã ba Trị An - ĐT767 - BX Đồng Nai	446	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	
9576	6093.2211.A	Đồng Nai	Bình Phước	Phước Lâm	Trường Hải	BX Phước Lâm - QL20 - QL1A - Ngã 3 Phát Triển - Đường Hoàng Văn Bôn - Đường Thiện Tân - ĐT768 - Cầu Thủ Biên - HL.414 - ĐT746 - ĐT747 - ĐT741 - QL14 - BX Trường Hải	167	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9577	6167.1111.B	Bình Dương	An Giang	Bình Dương	Long Xuyên	BX Bình Dương - QL13 - DT743 - đường Độc Lập - QL1A - Cao tốc Sài Gòn Trung Lương - Mỹ Thuận - QL1A - QL91B - BX Long Xuyên	275	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9578	6171.1917.A	Bình Dương	Bến Tre	Bến Cát	Chợ Lách	BX Chợ Lách - QL57 - TL882 - QL60 - QL1A - ĐT878 - Cao tốc Trung Lương TP HCM - Đường Võ Trần Chí - QL1A - QL13 - BX Bến Cát	170	30	Tuyến đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung danh mục tuyến
9579	6178.1114.A	Bình Dương	Phú Yên	Bình Dương	Sông Hinh	BX Sông Hinh - ĐT645 - QL1 - QL13 - BX Bình Dương	590	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9580	6178.1117.A	Bình Dương	Phú Yên	Bình Dương	Chí Thạnh	BX Chí Thạnh - QL1 - QL13 - BX Bình Dương	565	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9581	6178.1118.A	Bình Dương	Phú Yên	Bình Dương	Sông Cầu	BX Sông Cầu - QL1 - QL13 - BX Bình Dương	590	180	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9582	6178.1918.A	Bình Dương	Phú Yên	Bến Cát	Sông Cầu	BX Sông Hinh - QL29 - ĐT645 - QL1 - QL13 - BX Bến Cát	615	180	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9583	6179.1114.A	Bình Dương	Khánh Hòa	Bình Dương	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1 - QL13 - Đường 30/4 - BX Bình Dương	440	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9584	6179.1914.A	Bình Dương	Khánh Hòa	Bến Cát	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1A - QL13 - BX Bến Cát	540	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9585	6179.1915.A	Bình Dương	Khánh Hòa	Bến Cát	Vạn Ninh	BX Vạn Ninh - QL1A - QL13 - BX Bến Cát	570	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyển	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
										ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	
9586	6183.1103.A	Bình Dương	Sóc Trăng	Bình Dương	Cù Lao Dung	BX Cù Lao Dung - QL60 - Cao tốc Trung Lương TP HCM - Tân Tạo, Chợ Đệm - QL1 - Đ. Hà Huy Giáp - Cầu Phú Long - QL13 - Đ. Nguyễn Thị Minh Khai - ĐT743 - BX Bình Dương	190	90	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9587	6384.1613.A	Tiền Giang	Trà Vinh	Thị xã Gò Công	Duyên Hải	BX Thị xã Gò Công - QL50 - QL1 - QL60 - Cầu Rạch Miễu - QL60 - QL53 - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Nguyễn Đăng - QL54 - ĐT914 - QL53 - BX Duyên Hải	180	60	Tuyển đang khai thác	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến đang khai thác theo NĐ10
9588	6671.1915.A	Đồng Tháp	Bến Tre	Huyện Hồng Ngự	Mỏ Cây Nam	BX Mỏ Cây Nam - QL57 - Phà Đinh Khao - QL80 - Cầu Cao Lãnh - QL30 - ĐT841 - BX huyện Hồng Ngự	185	30	Tuyển đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung danh mục tuyến
9589	6679.1113.A	Đồng Tháp	Khánh Hòa	Cao Lãnh	Cam Ranh	BX Cam Ranh - QL1A - Cao Tốc Long Thành - Cao Tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1 - QL30 - BX Cao Lãnh	520	60	Tuyển mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9590	6683.1103.A	Đồng Tháp	Sóc Trăng	Cao Lãnh	Cù Lao Dung	BX Cù Lao Dung - QLNam Sông Hậu - QL1 - Cầu Cần Thơ - QL1 - QL13 - BX Cao Lãnh	133	90	Tuyển mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9591	6771.2312.A	An Giang	Bến Tre	Chi Lăng	Ba Tri	BX Ba Tri - QL57C - ĐT885 - Đường Nguyễn Thị Định - Đại lộ Đồng Khởi - QL60 - QL1A - QL80 - QL91 - ĐT948 - BX Chi Lăng	260	60	Tuyển đang khai thác	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung danh mục tuyến
9592	6779.1214.A	An Giang	Khánh Hòa	Châu Đốc	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1 - Đường Cao Tốc - QL1 - QL30 - QL91 - Đường tránh QL91 - Đường Tôn Đức Thắng - QL91 - Đường Trần Hưng Đạo - Đường tránh Long Xuyên - Cầu Vàm Cống - BX Châu Đốc	700	60	Tuyển mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9593	6779.1814.A	An Giang	Khánh Hòa	Tịnh Biên	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1 - Cao Tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - Cầu Mỹ Thuận - Phà An Hòa - Châu Đốc - QL91C - BX Tịnh Biên	760	60	Tuyển mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9594	6793.2311.A	An Giang	Bình Phước	Chi Lăng	Trường Hải	BX Chi Lăng - ĐT948 - HL15 (Tức Dục) - ĐT943 - QL91 - Cầu Vàm Cống - QL54 - QL80 - QL1A - Cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận - Cao tốc Trung Lương Tp HCM - Cao tốc TP.HCM Long Thành - Đ. Trần Phú - Đ. Võ	490	31	Tuyển mới	Tờ trình 48/Ttr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến công bố

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Văn Tần - Đ. Hùng Vương (ĐT19) - ĐT769 - Đ. Lê Duẩn - QL51 - Xa lộ Hà Nội - Đ. Đồng Khởi - Đ. Nguyễn Ái Quốc - ĐT768 - Cầu Thủ Biên - Đất Cuốc - ĐT746 - ĐT754 - ĐT747 - ĐT741 - Đ. Phú Riêng Đò - BX Trường Hải					
9595	6870.1820.A	Kiên Giang	Tây Ninh	Vĩnh Thuận	Tân Hà	BX Tân Hà - ĐT785 - ĐT790 (Đ. Bời Lời) - ĐT799 (Đ. Điện Biên Phủ) - ĐT781 - ĐT784 - ĐT782 - QL22 - TL9 - ĐT824 - QL1A - Cao tốc Trung Lương TP HCM - QL1A - QL91 - QL80 - QL61 - QL63 - BX Vĩnh Thuận	470	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr-CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9596	6893.2213.A	Kiên Giang	Bình Phước	Giang Thành	Lộc Ninh	BX Giang Thành - QLN1 - ĐT955B - Tức Dụp - ĐT15 - ĐT948 - QL91 - QL54 - QL80 - QL1A - Cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận - Cao Tốc Trung Lương TP HCM - Đường Trần Văn Giàu (ĐT10) - ĐT825 - ĐT824 - ĐT823 - ĐT8 - QL13 - Đ. 22/12 - Đ. Mỹ Phước Tân Vạn - QL1K - ĐT768 - Cầu Thủ Biên - Đất Cuốc - ĐT746 - ĐT747 - ĐT747 - ĐT745 - ĐT746 - ĐT742 - ĐT741 - ĐT744 - ĐT7A - HL604 - ĐT741 - ĐT741B (HL612) - QL13 - BX Lộc Ninh	350	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr-CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9597	7078.1113.A	Tây Ninh	Phú Yên	Tây Ninh	Nam Tuy Hòa	BX Nam Tuy Hòa - QL1 - QL55 - QL51 - QL22 - BX Tây Ninh	650	120	Tuyến đang khai thác	3215/CĐBVN-QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9598	7079.1113.A	Tây Ninh	Khánh Hòa	Tây Ninh	Cam Ranh	BX Cam Ranh - QL1A - QL22 - Phạm Hùng - Phạm Văn Đồng - Lạc Long Quân - Đường 30/4 - BX Tây Ninh	480	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN-QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9599	7079.1114.A	Tây Ninh	Khánh Hòa	Tây Ninh	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1A - QL22 - Phạm Hùng - Phạm Văn Đồng - Lạc Long Quân - Đường 30/4 - BX Tây Ninh	580	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN-QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9600	7079.1115.A	Tây Ninh	Khánh Hòa	Tây Ninh	Vạn Ninh	BX Vạn Ninh - QL1A - QL22 - Phạm Hùng - Phạm Văn Đồng - Lạc Long Quân - Đường 30/4 - BX Tây Ninh	560	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN-QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9601	7193.1211.A	Bến Tre	Bình Phước	Ba Tri	Trường Hải	BX Trường Hải - đường Phú Riêng Đò - QL14 - ĐT751 - ĐT749B - ĐH.704 - ĐH.744 - QL13 - QL1A - Cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - ĐT878 - QL1A - QL60 - Đại lộ Đồng	286	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Ttr-CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới (đã có trên phần mềm)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Khởi - Đường Nguyễn Thị Định - ĐT885 - QL57C - BX Ba Tri					
9602	7193.1414.A	Bến Tre	Bình Phước	Bình Đại	Bù Đốp	BX Bình Đại - QL57B - QL60 - QL1A - ĐT878 - Đường cao tốc (TP Hồ Chí Minh - Trung Lương) - QL1A - QL13 - ĐT759B - BX Bù Đốp	290	60	Tuyến đang khai thác	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung danh mục tuyến
9603	7579.1214.A	Thừa Thiên Huế	Khánh Hòa	Phía Nam TP Huế	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1A - BX Phía Nam TP Huế	620	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9604	7679.1114.A	Quảng Ngãi	Khánh Hòa	Quảng Ngãi	Ninh Hòa	BX Ninh Hòa - QL1A - BX Quảng Ngãi	370	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9605	7783.1101.A	Bình Định	Sóc Trăng	Quy Nhơn	Sóc Trăng	BX Sóc Trăng - QL1 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1 - Nguyễn Văn Linh - Võ Chí Công - Cao tốc Bắc Nam Phía Đông - QL20 - Cao tốc Liên Khương -Prenn - QL27C - ĐT8B - ĐT8 - QL26 - QL1 - QL1D - BX Quy Nhơn	850	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9606	7883.1501.A	Phú Yên	Sóc Trăng	Liên tỉnh Phú Yên	Sóc Trăng	BX Sóc Trăng - Đường Phú Lợi - Đường Võ Văn Kiệt - QL1 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1 - Nguyễn Văn Linh - Võ Chí Công - Cao tốc Bắc Nam Phía Đông - QL1 - Nguyễn Tất Thành - BX Liên tỉnh Phú Yên	755	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9607	7893.1316.A	Phú Yên	Bình Phước	Nam Tuy Hòa	Bình Long	BX Nam Tuy Hòa - QL1 - QL13 - BX Bình Long	640	180	Tuyến đang khai thác	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9608	7982.1213.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Phía Bắc Nha Trang	Ngọc Hồi	BX Phía Bắc Nha Trang - QL1A - QL26 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi	450	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9609	7982.1513.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Vạn Ninh	Ngọc Hồi	BX Vạn Ninh - QL1A - QL26 - Đường Hồ Chí Minh - BX Ngọc Hồi	420	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9610	7982.1613.A	Khánh Hòa	Kon Tum	Tu Bông	Ngọc Hồi	BX Tu Bông - QL1A - QL26 - Đường HCM - BX Ngọc Hồi	500	60	Tuyến mới	Tờ trình 48/Tr- CĐBVN ngày 09/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9611	7983.1201.A	Khánh Hòa	Sóc Trăng	Phía Bắc Nha Trang	Sóc Trăng	BX Sóc Trăng - Đường Phú lợi - Đường Võ Văn Kiệt - QL1 - Cao tốc Trung Lương TP Hồ Chí Minh - QL1 - Nguyễn Văn Linh - Võ Chí Công - Cao tốc Bắc Nam Phía Đông - QL1 - BX Phía Bắc Nha Trang	646	90	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9612	7984.1313.A	Khánh Hòa	Trà Vinh	Cam Ranh	Duyên Hải	BX Cam Ranh - QL1A - QL53 - BX Duyên Hải	650	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9613	7984.1413.A	Khánh Hòa	Trà Vinh	Ninh Hòa	Duyên Hải	BX Ninh Hòa - QL1A - QL53 - BX Duyên Hải	730	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9614	7986.1411.A	Khánh Hòa	Bình Thuận	Ninh Hòa	Bắc Phan Thiết	BX Ninh Hòa - Đường Nguyễn Xiển - QL1A - BX Bắc Phan Thiết	290	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9615	7986.1511.A	Khánh Hòa	Bình Thuận	Vạn Ninh	Bắc Phan Thiết	BX Vạn Ninh - Đường Nguyễn Xiển - QL1A - BX Bắc Phan Thiết	320	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9616	7986.1611.A	Khánh Hòa	Bình Thuận	Tu Bông	Bắc Phan Thiết	BX Tu Bông - QL1A - BX Bắc Phan Thiết	350	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9617	7994.1212.A	Khánh Hòa	Bạc Liêu	Phía Bắc Nha Trang	Hộ Phòng	BX Phía Bắc Nha Trang - Đường 23/10 - QL1A - BX Hộ Phòng	720	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9618	7994.1412.A	Khánh Hòa	Bạc Liêu	Ninh Hòa	Hộ Phòng	BX Ninh Hòa - QL1A - BX Hộ Phòng	750	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9619	8495.1311.A	Trà Vinh	Hậu Giang	Thị xã Duyên Hải	Vị Thanh	BX Duyên Hải - QL53 - Nguyễn Đăng - Võ Nguyên Giáp - QL53 - QL1A - QL61C - BX Vị Thanh	181	60	Tuyến mới	3215/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 22/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới
9620	1822.1611.A	Nam Định	Tuyên Quang	Quất Lâm	Tuyên Quang	BX Quất Lâm - QL37B - TL489 - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường Liêm Tuyên - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Cầu Thanh tri - QL1A - Đường 5 kéo dài -	300	90	Tuyến mới	3439/CĐBVN- QLVT,PT&NL ngày 31/05/2023 của Cục ĐBVN	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Cầu Đông Trù - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Đường Phạm Văn Đồng - Đường Chiến Thắng Sông Lô - BX Tuyên Quang					
6749	4972.1112.C	Lâm Đồng	Bà Rịa - Vũng Tàu	Liên tỉnh Đà Lạt	Vũng Tàu	BX Vũng Tàu - Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lê Hồng Phong - Đường 3/2 - Đường Võ Nguyên Giáp - QL51 - Ngã 4 Long Sơn - Đường tránh TP. Bà Rịa - QL56 - QL1A - QL20 - BX Liên tỉnh Đà Lạt	375	120	Tuyến mới	2268/SGTVT- QLVPTNL ngày 26/05/2023 của Sở GTVT Bà Rịa - Vũng Tàu	Bổ sung hành trình C
754	1424.1213.A	Quảng Ninh	Lào Cai	Móng Cái	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Móng Cái - QL18 - Uông Bí - Sao Đỏ - Bắc Ninh - QL1 - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	648	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1296	1624.1514.A	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Bảo	Bắc Hà	BX Vĩnh Bảo - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	431	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1305	1624.2514.A	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Vĩnh Niệm - QL10 - TL391 - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	411	60	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	1624.2514.B	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Võ Nguyên Giáp - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu An Đồng - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	411	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	1624.2514.C	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - TL391 - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	411	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bổ sung lưu lượng 60 chuyến/tháng
	1624.2514.D	Hải Phòng	Lào Cai	Vĩnh Niệm	Bắc Hà	BX Vĩnh Niệm - Đường Bùi Viện - Đường Nguyễn Trường Tộ - QL10 - Quán Toan - QL5 - Cầu Thanh Trì - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) -	411	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà				Sở GTVTXD Lào Cai	trên địa bàn tỉnh Lào Cai, bổ sung lưu lượng 60 chuyến/tháng
1723	1724.1113.A	Thái Bình	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Bình	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Trung tâm TP Thái Bình - QL10 - QL21 - QL1 - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	498	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1725	1724.1513.A	Thái Bình	Lào Cai	Huyện Thái Thụy	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Huyện Thái Thụy - QL39 - QL10 - ĐT391 - Tứ Kỳ Hải Dương - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	458	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1729	1724.2213.A	Thái Bình	Lào Cai	Huyện Tiền Hải	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Huyện Tiền Hải - QL37B - ĐT458 - QL10 - QL39 - Phố Nối Hưng Yên - QL5 - Đường Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	468	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
1730	1724.2214.A	Thái Bình	Lào Cai	Huyện Tiền Hải	Bắc Hà	BX Huyện Tiền Hải - QL37B - ĐT458 - Cầu Bo - QL10 - QL39 - Phố Nối Hưng Yên - QL5 - Cầu Thanh trì - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thanh trì - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	370	60	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	1724.2214.B	Thái Bình	Lào Cai	Huyện Tiền Hải	Bắc Hà	BX Huyện Tiền Hải - QL37B - ĐT458 - QL10 - QL21 - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ - Pháp Vân - Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - QL5 - Cầu Đông Trù - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội	400	60	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Bãi, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà					
2054	1824.1514.A	Nam Định	Lào Cai	Thịnh Long	Bắc Hà	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Cầu vượt Đường 5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - Cao tốc (Ninh Bình - Cầu Giẽ) - Nút giao Liêm Tuyền - QL21B - QL10 - Đường Lê Đức Thọ - QL21 - BX Thịnh Long	320	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2057	1824.1614.A	Nam Định	Lào Cai	Quất Lâm	Bắc Hà	BX Quất Lâm - QL37B - ĐT489 - Cầu Thức Hóa - Ngã tư Hải Hậu - QL21 - Ngã ba cầu Lạc Quần - Cầu Lạc Quần - QL21 - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - QL21B - Cầu Giẽ Ninh Bình - Cao tốc Pháp Vân - Đường Vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	436	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2061	1824.1814.A	Nam Định	Lào Cai	Nghĩa Hưng	Bắc Hà	BX Nghĩa Hưng - TL490C - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường - Liêm Tuyền - Cao tốc Pháp Vân Cầu Giẽ Ninh Bình - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	422	30	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2066	1824.2614.A	Nam Định	Lào Cai	Phía Nam TP Nam Định	Bắc Hà	BX Phía Nam TP Nam Định - Đường Lê Đức Thọ - QL10 - Đại lộ Thiên Trường - Cao tốc Ninh Bình Cầu Giẽ Pháp Vân - Đường vành đai 3 trên cao - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 kéo dài - Đường 5 kéo dài - Cầu	391	90	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà					
2507	1924.1113.A	Phú Thọ	Lào Cai	Việt Trì	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL2 - BX Việt Trì	253	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2509	1924.1213.A	Phú Thọ	Lào Cai	Phú Thọ	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Phú Thọ - QL2D - ĐT315B - ĐT314 - ĐT314C - QL2D - QL70B - QL70 - QL37 - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	213	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2511	1924.1313.A	Phú Thọ	Lào Cai	Thanh Sơn	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Thanh Sơn - QL32 - QL70B - ĐT313 - QL32C - nút giao IC 10 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	278	30	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2517	1924.1813.A	Phú Thọ	Lào Cai	Thanh Thủy	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Thanh Thủy - ĐT316 - QL32C - ĐT320 - IC9 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	268	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	1924.1813.B	Phú Thọ	Lào Cai	Thanh Thủy	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Thanh Thủy - ĐT316 - QL32C - IC10 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	263	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2521	1924.2213.A	Phú Thọ	Lào Cai	Mỹ Lung	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Mỹ Lung - QL70B - ĐT313 - QL32C - IC10 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	263	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	1924.2213.B	Phú Thọ	Lào Cai	Mỹ Lung	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Mỹ Lung - QL70B - QL32C - IC10 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	263	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
2525	1924.2313.A	Phú Thọ	Lào Cai	Lâm Thao	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - BX Lâm Thao	273	300	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2785	2024.1214.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Đại Từ	Bắc Hà	BX Đại Từ - QL37 - QL2 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	251	210	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2789	2024.1414.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Phổ Yên	Bắc Hà	BX Phổ Yên - QL3 - QL37 - QL2 - QL70 - TP Yên Bái - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	276	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2792	2024.1613.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Trung Tâm TP Thái Nguyên - QL37 - Đại Từ - Sơn Dương - Tuyên Quang - QL2 - QL279 - nút giao IC16 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	375	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	2024.1613.B	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC14 - ĐT166 - QL37 - QL3 - BX Trung Tâm TP Thái Nguyên	388	150	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	2024.1613.E	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - BX Trung Tâm TP Thái Nguyên	398	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2793	2024.1614.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	Bắc Hà	BX Trung tâm TP Thái Nguyên - QL3 - Cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	311	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	2024.1614.B	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	Bắc Hà	BX Trung tâm TP Thái Nguyên - QL3 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	301	150	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
	2024.1614.C	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	Bắc Hà	BX Trung tâm TP Thái Nguyên - QL3 - QL37 - QL2 - QL70 - TP Yên Bái - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	306	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2796	2024.1621.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Trung tâm TP Thái Nguyên	Si Ma Cai	BX Trung tâm TP Thái Nguyên - QL3 - QL37 - QL2 - QL70 - TP Yên Bái - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - QL4 - BX Si Ma Cai	331	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
2799	2024.1714.A	Thái Nguyên	Lào Cai	Định Hóa	Bắc Hà	BX Định Hóa - QL3C - QL3 - Cao tốc (Hà Nội - Thái Nguyên) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	331	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	2024.1714.B	Thái Nguyên	Lào Cai	Định Hóa	Bắc Hà	BX Định Hóa - QL3C - QL3 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	351	150	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3175	2124.1113.A	Yên Bái	Lào Cai	Yên Bái	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Yên Bái - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC 12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	188	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3176	2124.1114.A	Yên Bái	Lào Cai	Yên Bái	Bắc Hà	BX Yên Bái - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	171	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3179	2124.1121.A	Yên Bái	Lào Cai	Yên Bái	Si Ma Cai	BX Yên Bái - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - QL4 - BX Si Ma Cai	177	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3186	2124.1513.A	Yên Bái	Lào Cai	Hương Lý	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC14 - ĐT163 - Đường Lê Hồng Phong - Đường Yên Ninh - QL37 - QL70 - BX Hương Lý	188	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
3192	2124.1713.A	Yên Bái	Lào Cai	Thác Bà	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	BX Thác Bà - QL37 - Đường Âu Cơ - Nút giao IC12 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	228	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3591	2429.1316.A	Lào Cai	Hà Nội	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Yên Nghĩa	BX Yên Nghĩa - QL6 - Quang Trung - Lê Trọng Tấn - Đại lộ Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	325	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
	2429.1316.B	Lào Cai	Hà Nội	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Yên Nghĩa	BX Yên Nghĩa - QL6 - Quang Trung - Lê Trọng Tấn kéo dài - Đại lộ Thăng Long - QL21 - QL32 - Cầu Vĩnh Thịnh - QL2C - ĐT304 - QL2 - Nút giao IC8 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	325	120	Tuyến đang khai thác	2907/SGTVT- QLVT ngày 8/6/2023 của Sở GTVT Hà Nội	Bổ sung hành trình B
3592	2429.1412.B	Lào Cai	Hà Nội	Bắc Hà	Gia Lâm	BX Gia Lâm - Ngõ Gia Khâm - Ngọc Lâm - Nguyễn Văn Cừ - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 (Đoạn Cầu Thanh Trì - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	320	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3594	2429.1416.B	Lào Cai	Hà Nội	Bắc Hà	Yên Nghĩa	BX Yên Nghĩa - QL6 - Quang Trung - Lê Trọng Tấn - Đại lộ Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	300	30	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3600	2429.2113.A	Lào Cai	Hà Nội	Si Ma Cai	Mỹ Đình	BX Si Ma Cai - QL4 - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	315	30	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3630	2436.1307.A	Lào Cai	Thanh Hóa	BX khách kết hợp	Nghi Sơn	BX Nghi Sơn - ĐT153 - QL1 - Cao tốc (Pháp Vân - Cầu Giẽ) - Đường Vành đai 3 trên cao -	548	30	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày	Điều chỉnh hành trình chạy

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
				bãi đỗ xe thị xã Sa Pa		Cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu vượt Đường 5 - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa				07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3653	2448.1412.A	Lào Cai	Đắk Nông	Bắc Hà	Huyện Đắk R'Lấp	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Cầu Đông Trù - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao - Cao tốc (Hà Nội - Ninh Bình) - QL1A - Đường Hồ Chí Minh - QL14 - BX Đắk R'Lấp	1666	30	Tuyến mới	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3654	2448.1416.A	Lào Cai	Đắk Nông	Bắc Hà	Quảng Khê	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Trường Sa - Đường Hoàng Sa - Cầu Đông Trù - QL5 - Cầu Thanh Trì - Đường Vành đai 3 trên cao - Cao tốc (Hà Nội - Ninh Bình) - QL1A - Đường Hồ Chí Minh - QL14 - QL28 - BX Quảng Khê	1686	60	Tuyến mới	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3655	2448.1417.A	Lào Cai	Đắk Nông	Bắc Hà	Quảng Sơn	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1 - Quy Nhơn - QL19C - QL29 - QL19C - QL26 - TP. Buon Mê Thuột - Đường Hồ Chí Minh - Thị trấn EaTLing - QL28 - BX Quảng Sơn	1715	120	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3661	2450.1416.A	Lào Cai	TP. Hồ Chí Minh	Bắc Hà	Ngã Tư Ga	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường Hoàng Sa - Đường Trường Sa - Cầu Đông Trù - Đường Lý Sơn - Đường Nguyễn Văn Linh - Cầu Thanh Trì - Đường vành đai 3 trên cao - Pháp Vân Cầu Giẽ - QL1 - BX Ngã Tư Ga	2125	30	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
3662	2450.1417.A	Lào Cai	TP. Hồ Chí Minh	Bắc Hà	Miền Đông Mới	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Đường Võ Văn Kiệt - Đường 5 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Cầu vượt Đường 5 - Đường Nguyễn Văn Linh - Đường dẫn cầu Thanh Trì - Cầu Thanh Trì - Đường Vành Đai 3 trên cao - QL1 - Đà Nẵng - QL14B - Đường Hồ Chí Minh - ĐT741 - Đường (Mỹ Phước - Tân Vạn) - QL1K - QL1 - BX Miền Đông Mới	1940	10	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3670	2488.1311.A	Lào Cai	Vĩnh Phúc	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Vĩnh Yên	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa - QL4D - Nút giao IC19 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút IC8 - QL2 - BX Vĩnh Yên	275	30	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai, điều chỉnh tên bến xe nơi đi
3671	2488.1312.A	Lào Cai	Vĩnh Phúc	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Vĩnh Tường	BX Vĩnh Tường - QL2 - Việt Trì Nút IC8 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	265	78	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai, điều chỉnh tên bến xe nơi đi
3673	2488.1315.A	Lào Cai	Vĩnh Phúc	BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	Phúc Yên	BX Phúc Yên - QL2 - Việt Trì Nút IC8 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - BX khách kết hợp bãi đỗ xe thị xã Sa Pa	285	78	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai, điều chỉnh tên bến xe nơi đi
3676	2489.1421.A	Lào Cai	Hưng Yên	Bắc Hà	Triều Dương	BX Bắc Hà - ĐT159 - ĐT153 - QL70 - QL4E - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu Thanh trì) - Cầu Thanh Trì - ĐT379 - QL39 - BX Triều Dương	411	60	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3680	2490.1411.A	Lào Cai	Hà Nam	Bắc Hà	Trung tâm Hà Nam	BX Trung tâm Hà Nam - Đồng Văn - Cao tốc (Cầu Giẽ - Pháp Vân) - Đường vành đai 3 - Cầu Thanh Trì - Đường dẫn Cầu Thanh Trì - Đường	350	120	Tuyến mới	1681/SGTVTXD- QLVT ngày 07/06/2023 của	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
						Nguyễn Văn Linh - Cầu Vượt Đường 5 - Đường 56 kéo dài - Cầu Đông Trù - Đường 5 kéo dài - Đường Võ Văn Kiệt - QL2 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà				Sở GTVTXD Lào Cai	trên địa bàn tỉnh Lào Cai
3695	2499.1412.A	Lào Cai	Bắc Ninh	Bắc Hà	Quế Võ	BX Quế Võ - QL18 (Bắc Ninh - Phả Lại) - Cầu Đại Phúc - QL1 - QL18 (Nội Bài - Bắc Ninh) - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	320	90	Tuyến đang khai thác	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
7968	6272.0112.A	Long An	Bà Rịa - Vũng Tàu	Long An	Vũng Tàu	BX Vũng Tàu - Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Đường Lê Hồng Phong - Đường 3/2 - QL51 - Ngã 3 Vũng Tàu - Xa lộ Hà Nội - Bình Chánh - QL1A - Đường tránh Thành phố Tân An - QL62 - Đường Hùng Vương - Đường Trà Quý Bình - BX Long An	172	150	Tuyến đang khai thác	2474/SGTVT- QLVTPT&NL ngày 5/6/2023 của Sở GTVT Bà Rịa - Vũng Tàu	Bổ sung lưu lượng từ 90 lên 150 chuyến/tháng và điều chỉnh hành trình chạy xe
9360	2124.1514.A	Yên Bái	Lào Cai	Hương Lý	Bắc Hà	BX Hương Lý - QL37 - TL163 - Thị trấn Mậu A - Nút giao IC14 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	170	60	Tuyến mới	1681/SGTVT XD- QLVT ngày 07/06/2023 của Sở GTVTXD Lào Cai	Điều chỉnh hành trình chạy xe, cự ly tuyến trên địa bàn tỉnh Lào Cai
9621	1927.1515.A	Phú Thọ	Điện Biên	Ấm Thượng	Mường Chà	BX Ấm Thượng - QL2D - QL70B - ĐT314 - ĐT315B - QL2 - IC8 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - IC3 - Cao tốc (Nội Bài - Lào Cai) - ĐT310B - QL2 - TP Vĩnh Yên - Đường trục Thị trấn Vĩnh Tường - QL2C - Cầu Vĩnh Thịnh - QL32 - Cầu Trung Hà - ĐT316 - QL70B - TP Hòa Bình - QL6 - QL279 - TP Điện Biên Phủ - QL12 - BX Mường Chà	600	30	Tuyến mới	1393/SGTVT- QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9622	1923.1212.A	Phú Thọ	Hà Giang	Phú Thọ	Xín Mần	BX Phú Thọ - Đường Hùng Vương - Nút giao IC9 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Phố Lu - QL4E - ĐT153 - Bắc Hà - QL4 - BX Xín Mần	239	90	Tuyến mới	1393/SGTVT- QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9623	1923.1112.A	Phú Thọ	Hà Giang	Việt Trì	Xín Mần	BX Việt Trì - QL2 - Nút giao IC8 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Phố Lu - QL4E - ĐT153 - Bắc Hà - QL4 - BX Xín Mần	260	90	Tuyến mới	1393/SGTVT- QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9624	1923.1216.A	Phú Thọ	Hà Giang	Phú Thọ	Đồng Văn	BX Phú Thọ - QL2D - Đường Hùng Vương - QL2 - TP Hà Giang - QL2 (Đường Nguyễn Trãi) - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - QL4C - BX Đồng Văn	350	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9625	1923.1116.A	Phú Thọ	Hà Giang	Việt Trì	Đồng Văn	BX Việt Trì - Đường Hùng Vương - QL2 - TP Hà Giang (Đường Nguyễn Trãi) - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - QL4C - BX Đồng Văn	367	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9626	1923.1213.A	Phú Thọ	Hà Giang	Phú Thọ	Mèo Vạc	BX Phú Thọ - QL2D - Đường Hùng Vương - QL2 - TP Hà Giang - QL2 (Đường Nguyễn Trãi) - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - TL176 - BX Mèo Vạc	352	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9627	1923.1113.A	Phú Thọ	Hà Giang	Việt Trì	Mèo Vạc	BX Việt Trì - Đường Hùng Vương - QL2 - TP Hà Giang - QL2 (Đường Nguyễn Trãi) - QL4C (Đường Nguyễn Văn Linh) - Quyết Tiến - Quán Bạ - Yên Minh - TL176 - BX Mèo Vạc	369	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9628	1924.1214.A	Phú Thọ	Lào Cai	Phú Thọ	Bắc Hà	BX Phú Thọ - Đường Hùng Vương - Nút giao IC9 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - ĐT152 - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	200	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9629	1924.1114.A	Phú Thọ	Lào Cai	Việt Trì	Bắc Hà	BX Việt Trì - Đại Lộ Hùng Vương - QL2 - Nút giao IC8 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - ĐT152 - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	221	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9630	1924.1714.A	Phú Thọ	Lào Cai	Cầm Khê	Bắc Hà	BX Cầm Khê - QL32 - Nút giao IC10 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao ĐT152 với Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - ĐT152 - QL4E - QL70 - ĐT153 - ĐT159 - BX Bắc Hà	188	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9631	1924.1217.A	Phú Thọ	Lào Cai	Phú Thọ	Mường Khương	BX Phú Thọ - Đường Hùng Vương - Nút giao IC9 - Cao tốc (Nội Bài, Lào Cai) - Nút giao IC19 - QL4D - Đường Hoàng Liên - Đường Nhạc Sơn - Cầu Cốc Lều - Đường Nguyễn Huệ - QL70 - QL4D - QL4 - BX Mường Khương	248	30	Tuyến mới	1393/SGTVT-QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
9632	1950.1517.A	Phú Thọ	TP. Hồ Chí Minh	Ấm Thượng	Miền Đông Mới	BX Ấm Thượng - QL70 - QL32C - QL2 - Cầu Thăng Long - Đường vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Pháp Vân) - Cao tốc Pháp Vân Ninh Bình - QL1 - QL14B - QL14 - ĐT741 - ĐT747 - ĐT745 - ĐT743 - Đường Mỹ Phước - Tân Vạn - QL1 - BX Miền Đông Mới	1900	15	Tuyến mới	1393/SGTVT- QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới
9633	1961.1511.A	Phú Thọ	Bình Dương	Ấm Thượng	Bình Dương	BX Ấm Thượng - QL70 - QL32C - QL2 - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Pháp Vân) - Cao tốc Pháp Vân Ninh Bình - QL1 - QL14B - QL14 - QL13 - Đại Lộ Bình Dương - BX Bình Dương	1800	30	Tuyến mới	1393/SGTVT- QLVT,PT&NL ngày 29/5/2023 của Sở GTVT Phú Thọ	Bổ sung tuyến mới

Ghi chú: Quy định viết tắt các cụm từ trong Phụ lục này như sau: Bến xe: BX; thành phố: TP; Quốc lộ: QL; X.: xã; thị trấn: TT; các ký hiệu <A>, , ... <Đ> phân biệt các tuyến theo hành trình khác nhau; các ký hiệu <A1>, <A2> phân biệt các hành trình khác nhau trong cùng một tuyến có chung Bến xe nơi đi và Bến xe nơi đến; các ký hiệu <E>, <F>: phân biệt các tuyến khác nhau đi theo đường cao tốc; lưu lượng (xe xuất bến/tháng) được tính với tổng số chuyến xe/tháng/1 đầu bến.

Phụ Lục II

DANH MỤC CÁC TUYẾN LOẠI BỎ RA KHỎI DANH MỤC CHI TIẾT TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH LIÊN TỈNH ĐƯỜNG BỘ TOÀN QUỐC ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
8091	6572.1412.A	Cần Thơ	Bà Rịa - Vũng Tàu	Cờ Đỏ	Vũng Tàu	BX Vũng Tàu - Đường 3/2 - QL51 - QL1 - BX Cờ Đỏ	360	90	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
8122	6593.1416.A	Cần Thơ	Bình Phước	Cờ Đỏ	Bình Long	BX Bình Long - QL13 - QL1A - Cao Tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - QL61B - Bốn Tổng Một Ngàn - TL919 - TL922 - BX Cờ Đỏ	306	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
6910	5065.1214.A	TP. Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Miền Tây	Cờ Đỏ	BX Miền Tây - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL91B - QL91 - TL922 - TL919 - BX Cờ Đỏ	250	300	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
6910	5065.1214.B	TP. Hồ Chí Minh	Cần Thơ	Miền Tây	Cờ Đỏ	BX Miền Tây - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - QL61C - Bốn Tổng Một Ngàn - TL919 - BX Cờ Đỏ	250	0	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7252	6065.1214.A	Đồng Nai	Cần Thơ	Biên Hòa	Cờ Đỏ	BX Biên Hòa - Đường Nguyễn Ái Quốc - QL1K - QL1A - QL91 - Đường Lê Đức Thọ - BX Cờ Đỏ	250	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7259	6065.2514.A	Đồng Nai	Cần Thơ	Dầu Giây	Cờ Đỏ	BX Cờ Đỏ - QL91 - QL91B - BX Dầu Giây	295	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7259	6065.2514.B	Đồng Nai	Cần Thơ	Dầu Giây	Cờ Đỏ	BX Dầu Giây - QL1A - QL91 - Lê Đức Thọ - BX Cờ Đỏ	295	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
7572	6165.1114.A	Bình Dương	Cần Thơ	Bình Dương	Cờ Đỏ	BX Bình Dương - QL13 - QL1A - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - BX Cờ Đỏ	230	45	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7582	6165.2014.A	Bình Dương	Cần Thơ	An Phú	Cờ Đỏ	BX An Phú - ĐT743 - QL1A - Cao tốc Trung Lương - QL61B - Bốn Tổng Một Ngàn - Bà Đầm - TT Thới Lai - Kinh Ngang - BX Cờ Đỏ	220	60	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7585	6165.2114.A	Bình Dương	Cần Thơ	Phú Chánh	Cờ Đỏ	BX Phú Chánh - Đường Trần Quốc Toản - Huỳnh Văn Lũy - DL Bình Dương - Ngã tư Bình Phước - QL1A - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1 - Cầu Cần Thơ - Bốn tổng Một Ngàn - Thị trấn Thới Lai - Kinh Ngang - BX Cờ Đỏ	270	30	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7588	6165.2314.A	Bình Dương	Cần Thơ	Bàu Bàng	Cờ Đỏ	BX Cờ Đỏ - TL922 - TL919 - Bốn Tổng Một Ngàn - QL61B - QL1A - Cao tốc TP Hồ Chí Minh Trung Lương - QL1A - Ngã tư Bình Phước - BX Bàu Bàng	325	60	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
6498	4860.1719.A	Đắk Nông	Đồng Nai	Định Quán	Quảng Sơn	BX Định Quán - QL20 - ĐT721 - ĐT725 - QL28 - BX Quảng Sơn	178	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7245	6064.1912.A	Đồng Nai	Vĩnh Long	Định Quán	Thị xã Bình Minh	BX Định Quán - QL20 - QL1A - BX Thị xã Bình Minh	295	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7388	6071.1911.A	Đồng Nai	Bến Tre	Định Quán	Bến Tre	BX Bến Tre - QL60 - QL1A - ĐT878 - Cao tốc (Trung Lương - TP Hồ Chí Minh) - Đường dẫn nút giao thông Bình Thuận - QL1A - BX Định Quán	190	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7403	6072.1912.A	Đồng Nai	Bà Rịa - Vũng Tàu	Định Quán	Vũng Tàu	BX Định Quán - QL20 - QL1A - QL56 - QL51 - Đ3/2 - Đường Lê Hồng Phong - Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa - BX Vũng Tàu	120	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
7479	6084.1911.A	Đồng Nai	Trà Vinh	Định Quán	Trà Vinh	BX Định Quán - QL20 - QL1A - QL60 - QL54 - BX Trà Vinh	256	120	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
6693	4960.1719.A	Lâm Đồng	Đồng Nai	Đức Trọng	Định Quán	BX Định Quán - QL20 - BX Đức Trọng	160	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
6862	5060.1119.A	TP. Hồ Chí Minh	Đồng Nai	Miền Đông	Định Quán	BX Miền Đông - QL1 - QL20 - BX Định Quán	121	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
6870	5060.1619.A	TP. Hồ Chí Minh	Đồng Nai	Ngã Tư Ga	Định Quán	BX Định Quán - QL20 - QL1 - BX Ngã Tư Ga	125	120	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Xóa do bến xe ngừng hoạt động
3567	2425.1211.C	Lào Cai	Lai Châu	Trung tâm Lào Cai	Lai Châu	BX Trung tâm Lào Cai - QL4E - ĐT151 - QL279 - QL32 - BX Lai Châu	130	1200	Tuyến mới	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Đề nghị xóa do trùng với hành trình A
3594	2429.1416.B	Lào Cai	Hà Nội	Bắc Hà	Yên Nghĩa	BX Yên Nghĩa - QL6 - Quang Trung - Lê Trọng Tấn – Đại lộ Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Nút giao BigC - Cầu Thăng Long) - Cầu Thăng Long – Đường Võ Văn Kiệt – QL2 - Cao tốc Hà Nội Lào Cai - nút giao IC18 - ĐL Trần Hưng Đạo - Phú Thịnh - Lê Thanh - QL4D - QL70 - ĐT153 - BX Bắc Hà	350	30	Tuyến đang khai thác	Quyết định số 927/QĐ-BGTVT	Đề nghị xóa do trùng với hành trình A
2571	1929.1913.A	Phú Thọ	Hà Nội	Hiền Lương	Mỹ Đình	BX Hiền Lương - QL32C - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	175	0	Tuyến đang khai thác	11445/BGTVT-VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	Điều chỉnh phù hợp với Văn bản số 4032/UBND-KTN ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh Phú Thọ
2571	1929.1913.B	Phú Thọ	Hà Nội	Hiền Lương	Mỹ Đình	BX Hiền Lương - QL32C - Cao tốc Nội Bài Lào Cai - QL2 - Đường Võ Văn Kiệt - Cầu Thăng Long - Vành đai 3 trên cao (Đoạn Cầu Thăng Long - Cầu vượt Mai Dịch) - Đường Phạm Hùng - BX Mỹ Đình	175			11445/BGTVT-VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	

TT toàn quốc	Mã tuyến	Tên tuyến vận tải hành khách cố định liên tỉnh				Hành trình chạy xe chính (dùng cho cả 2 chiều đi)	Cự ly tuyến (km)	Lưu lượng (xe xuất bến / tháng)	Phân loại tuyến	Nguồn tuyến	Ghi chú
		Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	Tỉnh nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)	BX nơi đi/đến (và ngược lại)						
2570	1929.1912.A	Phú Thọ	Hà Nội	Hiền Lương	Gia Lâm	BX Hiền Lương - QL32C - QL2 - QL3 - Ngõ Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	173	0	Tuyến đang khai thác	11445/BG TVT-VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	
2570	1929.1912.B	Phú Thọ	Hà Nội	Hiền Lương	Gia Lâm	BX Hiền Lương – QL32C - QL2 - Võ Văn Kiệt - QL5 kéo dài - QL3 - Ngõ Gia Tự - Nguyễn Văn Cừ - BX Gia Lâm	173			11445/BG TVT-VT ngày 02/11/2022 của Bộ GTVT	

Ghi chú: Quy định viết tắt các cụm từ trong Phụ lục này như sau: Bến xe: BX; thành phố: TP; Quốc lộ: QL; X.: xã; thị trấn: TT; các ký hiệu <A>, , ... <Đ> phân biệt các tuyến theo hành trình khác nhau; các ký hiệu <A1>, <A2> phân biệt các hành trình khác nhau trong cùng một tuyến có chung Bến xe nơi đi và Bến xe nơi đến; các ký hiệu <E>, <F>: phân biệt các tuyến khác nhau đi theo đường cao tốc; lưu lượng (xe xuất bến/tháng) được tính với tổng số chuyến xe/tháng/1 đầu bến.